

PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 7

PHẨM TÍN GIẢI THỨ TƯ

Nghĩa Tin hiểu chia làm sáu môn:

- 1) Lai ý.
- 2) Giải thích danh từ.
- 3) Nêu thể.
- 4) Tướng Tín giải.
- 5) Vị Tín giải.
- 6) Đồng khác.

1. Lai ý: Vì người trung căn nói pháp gồm có bốn chương: Phần đầu chính là nói đã rồi, nay thứ hai nói người trung căn lãnh giải.

Hỏi: Phẩm Phương Tiện chép: Nếu thật đặc A-la-hán không tin pháp này thì không có việc đó, nếu vậy khi mới nghe pháp nói liền nên lãnh ngộ, sao đợi đến Phẩm Thí Dụ mới tin hiểu?

Đáp: Kinh nói phải tin, vì căn cứ từ đầu đến cuối nói, không nói mới đầu nghe pháp nói có thể tin, hiểu. Lại người trung căn khi mới nghe pháp nói đã tin chỉ do chưa hiểu nên đến Phẩm Thí Dụ mới được rõ ràng, do đó nên văn này không trái nhau với phẩm Phương Tiện.

2. Giải thích danh: Nhưng danh gọi tin hiểu có lia có hợp. Nói lia gồm có ba nghĩa:

1) Nghi trừ gọi là tín, phá chấp gọi là giải, nghi là do dự, tin là ý chỉ quyết định, người Thanh văn do dự, quyền thật do dự một, ba. Nghi này đã dứt nên gọi là tin, tức tin ba là quyền, tin một là thật. Phá chấp gọi là giải: giải là liễu ngộ làm nghĩa, chấp gọi là mê chấp, đã chấp ba là thật có, thì đối một là thật không, chấp này đã trừ nên gọi là giải. Giải là hiểu ba không có, ngộ một là có. Giải thích này từ trong chú giải kinh Pháp Hoa, cho nên kia nói không nghi sử dụ gọi là tín, liền hối hận đã chấp ngôn từ gọi là giải.

2) Tin ở không tin. Giải ở điều không giải. Không tin: không tin ba

quyền, một thật, tâm này liền sửa đổi nên sanh tin. Tin: tin ba là quyền, tin một là thật. Tuy là tin ba là quyền mà chưa hiểu vì sao quyền, tuy tin một là thật mà chưa ngộ vì sao thật, nay liền ngộ vì sao quyền liền hiểu vì sao thật cho nên gọi là giải. Đây tức tin đầu tiên hiểu ở sau, cho nên luận Trí Độ chép: Tín là năng nhập trí là năng độ tức chứng nghĩa này. Nhưng ban đầu tin chẳng phải không có giải chỉ vì giải cạn nên gọi là tin, sau giải chẳng phải không có tin trước mà tin sâu nên gọi là giải.

3) Tín phá tà kiến, giải phá vô minh, cho nên kinh Niết-bàn chép: Có tín không tuệ thì vô minh lâu dài, có tuệ không tin thì tà kiến lâu dài, nay có tin cho nên phá tà kiến, có giải nên phá vô minh, tức hai pháp giúp nhau nhau.

Nhưng nghĩa này khó hiểu, nay lại dùng bốn câu giải thích:

1) Tín mà không giải tuy là hư tâm tín nhận mà chưa thể giải gọi là người độn căn chánh kiến.

2) Giải mà không tín gọi là người lợi căn tà kiến.

3) Vừa tín vừa giải gọi là người chánh kiến lợi căn, tức bốn đại Thanh văn.

4) Không tin không giải gọi là người độn căn tà kiến.

Kế là hợp, giải thích tin hiểu lược có hai nghĩa:

1) Trên có sở đối.

2) Dưới có sở hình.

Trên có sở đối: Giải có hai thứ:

1) Kiến giải.

2) Tin hiểu.

Nhờ Sư nghĩa ít, thấy lý tình nhiều như các Bồ-tát, cho nên Phẩm Thí Dụ chép: Nếu có Bồ-tát ở trong chúng có khả năng nhất tâm lắng nghe thật pháp của Chư Phật gọi là kiến giải, nếu nhờ vào Sư nghĩa nhiều thấy lý tình ít nên văn trước nói các Thanh văn kia tin Phật nói cho nên được nhập kinh này, chẳng phải trí phần của mình nên gọi là tin hiểu. Nay đối với các Bồ-tát kiến giải nên gọi Thanh văn là tin hiểu. Dưới có sở hình: Tin là nghĩa quyết định. Tuy nhân Phật được giải mà giải tâm vững chắc hiểu rõ ràng là lý sẽ như vậy, khác nhau phạm phu giải còn xa xôi, cho nên nói tin hiểu.

3) **Nêu thể:** Theo A Tỳ-đàm thì tín giải có hai thể: Tín là Tín số trong mặt đất thiên giải là chung cho số Tuệ trong mặt đất. Luận Thành Thật nói Tín và giải đều lấy tâm làm thể, nhưng trong tâm có dụng tin hiểu nên nghĩa nói có hai. Nay nói về nếu chấp có tâm và số, khác thể và một thể, đều là kiến chấp một và khác chẳng phải thể tin hiểu, sau

sẽ giải thích đầy đủ.

4) Tướng Tín giải: Xưa nói tin hiểu nghĩa nhiều mà không ngoài bốn câu là quyền thật hữu vô, Ba thừa là quyền, Nhất thừa là thật, đạo lý chỉ một không có ba thừa, nay nói về bởi một phen cố chấp nói chưa phải là hư tâm diệu ngộ, nếu chấp chặt nhất thừa là thật Ba thừa là quyền, xả ba mà chấp một lại là thủ xả có tâm sở đắc. Kinh Niết-bàn chép: Có sở đắc gọi là Nhị thừa, còn chưa lãnh ngộ sao gọi là tin hiểu, lại nếu có sở đắc thì không đạo không quả, vẫn dưới đâu được nói nay ta đắc đạo đắc quả ư! Lại nếu nói ba nhất định không có gọi một là thật có, còn là hai kiến có không như Phẩm Phương Tiện chép: Hoặc có hoặc không v.v... đầy đủ sáu mươi hai kiến, đã đầy đủ các kiến tức là có ái kiến, ái kiến tức là phiền não, phiền não nên có nghiệp. Do nghiệp nên chịu khổ, người như thế như uống cam lộ lại thành thuốc độc, đó tức bệnh không trừ, hoặc mới lại sanh nên chẳng phải tướng tin hiểu. Nay nói tin hiểu có thể suy tìm bốn tông của kinh. Phẩm Phương Tiện nói các pháp tự xưa nay tướng thường tự vắng lặng, đâu có một đâu có ba, cũng chẳng quyền chẳng thật, chỉ vì trái ngược tình đã nặng không thể bước mau cho nên phương tiện dẫn dụ khiến dần dần khai ngộ. Vì thế trước nói năm giới mười thiện để dừng ác trong ba đường, kể nói Ba thừa Thánh giáo khiến xả phàm phu ba cõi cho đến muốn dứt Ba thừa thô nên nói về Nhất thừa làm diệu như thế đều là tất đàn đối trị. Dùng vụn vặt xuất vụn vặt dùng khinh đảo trừ trọng đảo. luận Trí Độ chép: Thí như Tỳ-kheo chấp sự đưa tay xướng ngôn chúng đều im lặng tức là dùng tiếng ngăn tiếng, không phải cầu tiếng cho đến nói một trừ ba đâu tồn tại ở một, nếu có thể cả ba và một đều bỏ, quyền thật đều trừ thì tâm không có chỗ nương, chính gọi là tin hiểu. Cho nên, phẩm Phương Tiện chép: Ta dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sanh khiến lìa các chấp tức là chứng minh nghĩa này.

5) Vị Tín giải: Thanh văn hồi Tiểu nhập Đại mới được nhập địa vị Bồ-tát Thập tín, nên văn trước chép: Xá-lợi-phất do sức tin nên đắc nhập kinh này tức chứng minh nghĩa này. Lại Ba tạng Chân-đế nói trong văn luận Thập Thất Địa cũng phân rõ như thế. Lại lý thường như vậy, học Tiểu thừa còn chưa tin Đại thừa, nay phá Tiểu chấp mà tin Đại tức là biết mới học Thập tín.

Hỏi: Thanh văn hồi Tiểu nhập Đại được nhập vị Thập tín, là nhập Thập Tín sơ tâm hay Thập tín đầy đủ?

Đáp: Chỉ nhập Thập tín sơ tâm, kinh Niết-bàn chép: Người Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp đến, người Bích-chi-phật mười ngàn kiếp đến. Nói

đến là đến sơ tâm Thập trụ, cho nên biết hồi Tiểu nhập Đại chưa phải Thập tín tròn đầy.

Ba Tạng Chân-đế nói Xiển đề có hai:

1) Phàm phu.

2) Nhị thừa.

Phàm phu Xiển đề không tin ba, một. Nhị thừa Xiển đề tin ba, không tin một. Nay nghe Pháp Hoa phá ba mới đắc nhập Bồ-tát vị Thập tín. Nói Thập tín: Năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ làm năm, sáu Bất thối tâm, bảy Hồi hướng tâm, tám Giới tâm, chín Hộ tâm, mười Nguyện tâm.

Hỏi: Hồi Tiểu nhập Đại đến Thập tín là tín gì ư?

Đáp: chỉ được Sơ tín tâm. Vì sao biết như vậy? Như trước dẫn: La-hán hai muôn kiếp Thập tín mới đủ cho nên biết chỉ là sơ tâm.

Hỏi: Thăng đến Bồ-tát Thập tín có gì khác với hồi Tiểu nhập Đại Thập tín?

Đáp: Xen lẫn có hơn kém, thăng đến Bồ-tát Thập tín phương tiện dụng mạnh, Bát-nhã dụng yếu, do các Bồ-tát tu nhiều các hạnh cứu độ chúng sanh cho nên phương tiện dụng mạnh không muốn chuyên tâm tu quán Không dứt trừ phiền não, cho nên Bát-nhã quán yếu. Nhị thừa chuyên tu quán không dứt trừ phiền não nên Bát-nhã quán mạnh, nay hồi Tiểu nhập Đại mới học hành hạnh độ vật cho nên phương tiện dụng yếu.

Hỏi: La-hán hồi Tiểu nhập Đại đã ở Thập tín là ở ngoài cõi thọ sanh hay trong cõi thọ sanh?

Đáp: Ngoài cõi thọ sanh như Thích luận và Kinh Thắng-man đều nói La-hán ngoài ba cõi thọ trái lại dễ sanh, thăng đến Bồ-tát Thập tín thì ở trong cõi thọ sanh.

Hỏi: Nếu vậy thăng đến Thập tín thì kém, hồi Tiểu Thập tín thì hơn, đâu được trước nói người hồi Tiểu ở sơ tâm ư?

Đáp: Đã nói như trước xen nhau có mạnh yếu giải thích người hồi Tiểu chỉ tu quán Không dứt trừ phiền não nên ở ngoài cõi thọ sanh, người thăng đến không chuyên quán Không dứt kiết nên ở trong cõi thọ sanh. Mà từng có giáo hóa người, từ bi sâu dày thì người hồi Tiểu không thể sánh bằng người thăng đến, cho nên là hơn.

Hỏi: Nhị thừa dứt kiết thọ sanh là địa vị Bồ-tát nào ư?

Đáp: Theo luận Pháp Hoa giải thích phẩm Phân Biệt Công Đức chép: Bồ-tát Địa tiền ở trong cõi thọ sanh, đấng Địa trở lên ở ngoài cõi thọ sanh.

Luận Trí Độ nói trong nhục thân của Bồ-tát thất địa đắc Vô sanh nhẫn, xả nhục thân liền thọ pháp tánh sanh thân ngoài ba cõi. Theo Ba tạng Chân-đế giải thích và ý luận Nhiếp Đại thừa thì từ Thập hạnh đệ lục tâm trở đi thọ sanh ngoài ba cõi. Kinh luận khác nhau khó có thể tương tận nhất định.

6) Đồng khác: Gồm có bảy thứ khác:

1) Lược rộng khác: Thân Tử thuật lãnh giải thì lược, trung căn trình bày ngộ thì rộng.

2) Xa gần khác: Thân Tử gần nói hiện tại, Ca-diếp xa trình bày thuở trước, nhưng Thân Tử gần nói hiện tại chỉ từ vườn Nai trở đi đến Pháp Hoa, Ca-diếp từ Hoa Nghiêm trở đi đến cuối cùng nói Nhất thừa.

3) Chung riêng khác: Thân Tử riêng nói tự thân, Ca-diếp trình bày chung tất cả chúng.

4) Có không khác: Trên không thì nói nay thì có.

5) Ít nhiều khác trên chỉ ba giáo, nay trình bày đủ năm thừa.

6) Vui mừng khác: Thân Tử xưa lo buồn nay vui vẻ, Ca-diếp xưa không lo buồn, nhưng nay chẳng có ý mong cầu bỗng được Đại thừa quý giá nên sanh vui mừng.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Bởi xen lẫn hiện khác nhau, lại chỉ Thân Tử lợi căn năng suy tìm lý đồng giáo khác cho nên trước lo buồn nay vui, người trung căn chấp chặt Tiểu giáo cho là chí cực cho nên trước không lo buồn.

7) Nói người khác nhau: Thượng căn lãnh giải chỉ có một người, trung căn lãnh giải thì có bốn người, hạ căn lãnh giải số ấy vô lượng.

Hỏi: Luận Tỳ-bà-sa chép: Tất cả Thanh văn chia làm ba phẩm: Thượng căn chỉ một người, vì riêng Thân Tử sáu mươi kiếp tu hành, trung căn cũng chỉ một người gọi là Mục-liên, còn tất cả Thanh văn đều thuộc hạ căn, nay vì sao nói trung căn có bốn người?

Đáp: Mục-liên chính là trung căn, Thanh văn ngộ nhập Đại thừa chưa chắc đã hơn Ca-diếp cho nên xếp vào số trung căn.

Phẩm chia làm hai phần:

1) Kinh gia nêu tướng đặc giải.

2) Phát lời nói tự trình bày lãnh giải.

Phần đầu lại có bốn phần:

1) Biện rõ người đặc giải.

2) Nói pháp được nghe.

3) Nội tâm vui mừng.

4) Ngoại hình cung kính.

Trước người pháp một cặp sau vui kính một cặp. Trong bốn người, đầu tiên là nói Thiện Cát (Tu Bồ-đề), hoặc có thể đương lúc ấy đứng dậy, Thiện Cát là người đầu tiên cho nên như vậy, hoặc có thể Thiện Cát có sự khéo léo chuyển giáo cho nên nêu lên trước.

Hỏi: Kinh Tịnh Danh nói bốn vị Đại Thanh văn có gì khác với ở đây?

Đáp: Kinh kia nói về trí tuệ Thân Tử, định Mục-liên, Thiện Cát không giải. Ca-diếp hữu hành, lấy bốn người này làm đại Thanh văn, kinh này nói về Thân Tử lợi căn, một mình cứu giúp các chúng, ngoài ra chẳng phải còn thuộc về bốn đại Thanh văn bèn chọn lấy Thiện Cát giải không, Chiên-diên thông đạt hữu, Ca-diếp đầu đà, Mục-liên thiền định.

Hỏi: Kinh Độ Phạt Cảnh Giới nói về tám vị đại Thanh văn là những người nào?

Đáp: chưa thấy kinh nói, ý cho rằng trong mười đệ tử có bốn đại Thanh văn tức là bốn vị. Lại Ba Tạng Pháp Sư chép: Ca-chiên-diên giải Tu-đa-la tạng, Ưu-ba-ly giải Tỳ-ni tạng, Phú-lâu-na giải A Tỳ-đàm tạng, A-nan Tổng trì ba tạng, hiệp thành tám đại nhân.

Từ Phật được nghe: Nói Pháp được nghe là duyên đặc giải, gồm có hai thứ:

- 1) Dùng pháp làm duyên.
- 2) Lấy nhân làm duyên, tức thọ ký cho Thân Tử.

Lấy pháp làm duyên hiện sanh vui mừng, lấy nhân làm duyên dự báo mừng được thọ ký nên vui. “Phát tâm không hề có v.v...” trong tâm vui mừng chính là lãnh giải. “Liên từ chỗ ngồi đứng dậy v.v...” là nói về ngoại hình cung kính. “Vén y bày vai phải” lúc chưa đứng dậy chỉnh mặc cà sa.

Người nước ngoài y luật không che hết cho đến cởi y mắc tội Đột-cát-la, nói thẳng cởi trần là lộ vai phải lại không có y trong.

“Mà bạch Phật rằng:” là phát lời tự thuật lãnh giải. Văn có hai phần:

- 1) Chánh thuật lãnh giải.
- 2) Khen ngợi ân Phật sâu nặng khó báo đáp. Do hiểu nhờ ân Phật cho nên khen ngợi ân Phật. Lại bởi do lãnh giải mới hiểu ân Phật nên khen ngợi ân Phật sâu nặng để thành lãnh giải.

Phần một có hai:

- 1) Văn xuôi.
- 2) Kệ tụng.

Văn xuôi chia làm ba: Nghĩa là Pháp, Thí, HỢp. Do loại theo nhau nên chia làm hai:

1) Pháp nói lược về lãnh giải.

2) Thí nói về sau rộng về lãnh giải, trước lược sau rộng để giải nghĩa.

Pháp nói lại có hai:

1) Nêu chấp mê Tiểu nên không cầu Đại.

2) Nêu nghe Đại cũng không cầu Đại.

Sở dĩ chỉ nêu hai thứ này là do mê đủ hai thứ giáo Đại Tiểu: Một là Đức Phật nói Tiểu vốn muốn cho ngộ Đại, như đưa ngón tay vốn là chỉ mặt trăng, nay liền chấp Tiểu không cầu Đại, như chấp ngón tay mà quên mặt trăng, vì mê Tiểu giáo. Hai là trước tự thân nghe Đại pháp khiến kia xả Tiểu ngộ Đại, là liền ưa Tiểu không hoan nghênh Đại lại là mê Đại pháp. Từ Linh Sơn về trước chỉ có hai bệnh này nên đầy đủ thứ lớp.

“Chúng con ở đầu trong tăng v.v...” có bốn nhân duyên nên không cầu Bồ-đề vô thượng:

1. Đứng đầu trong tăng chỉ là dạy trao cho người chẳng phải tự mình cầu tiến.

2. Tuổi đã già yếu, ý chí suy hao không có khả năng tự tiến lên.

3. Tự cho đã đắc Niết-bàn là rốt ráo không còn tu nhân.

4. Không thể kham lãnh mà đắm lặn vào lý hông còn phải tu hành, như bốn con sông hiệp một dòng đồng chảy ra cửa biển, nếu chẳng hải rộng có sức mạnh thì chẳng tự phản lại được: Ba giải thoát đều chảy vào biển Niết-bàn, người Thanh văn sức yếu không thể tự ra cho nên nói không có khả năng. Như Kinh Tịnh Danh chép: Cũng như hạt giống hư không thể nảy mầm, đủ bốn nghĩa này nên không thể cầu tiến đến Bồ-đề.

“Đức Thế tôn thuở trước nói pháp đã lâu...” là nói nghe Đại không cầu Đại. Trước mê Tiểu giáo sau mê Đại thừa, do ban đầu Đức Phật nói Tiểu sau nói Đại. Văn chia làm ba:

1) Nói ham ưa Tiểu không thích Đại.

2) Giải thích.

3) Tổng kết.

Nói pháp đã lâu: nói pháp Đại thừa đã lâu; “Thân thể mỗi một” là tâm không ưa đại cho nên không tha thiết do đó mỗi một. “Chỉ nghĩ đến ba pháp không:” Nhàm chán báo thân này muốn nhập vào không để quên. “Đối với các pháp du hý thần thông... của Bồ-tát.” Ở trên nói

ưa Tiểu thừa nay không ưa Đại. Du hý thần thông: là Đại sĩ hiện biến không khó dụ như vui mừng. Lại hiện thần thông độ chúng sinh có thể do tự vui nên gọi là hý. Lại như thần thông chẳng chân thật nên gọi là hý. “Tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh:” khởi nguyện thành Tịnh độ, sanh khởi hạnh vì thành tựu chúng sanh. “Lòng không ưa thích:” Trước trụ trong Tiểu thừa, không cầu Đại thừa. Nay nói về chẳng những không cầu gần gũi nghe Đại pháp cũng không một niệm ưa thích. Vì sao? Vì nói không ưa Đại. Văn chia làm hai:

1) Nói trước không ưa Đại.

2) “Lại nay chúng con v.v...” là nói nay không ưa Đại. “Đối với đạo vô thượng dạy Bồ-tát v.v...” là tổng kết không cầu Đại.

“Chúng con hôm nay ở trước Phật v.v...” là nói về nay liễu ngộ được hiểu nên vui mừng. Nghe Phật thọ ký cho Thanh văn: Nêu duyên được hiểu. Trên tuy nghe hai thuyết pháp thí nghĩa còn chưa quyết định, nghe thọ ký cho Thanh văn mới thấu hiểu Nhất thừa. Lại hai thuyết pháp thí vì khiến Thanh văn thành Phật nên thọ ký cho Nhị thừa, là chánh tông kinh này nên chỉ nêu lên luận Trí Độ chép: Kinh Pháp Hoa thọ ký cho Nhị thừa thành Phật, tức chứng minh nghĩa này tâm rất vui mừng: chính là nói về vui mừng. “Chẳng ngờ hôm nay bỗng nhiên được nghe pháp ít có:” là giải thích nghĩa vui mừng thì lựa chọn khác Thân Tử. Thân Tử do xưa lo nên nay vui, Ca-diếp vốn không có tâm mong cầu, chẳng có ý mà được của báu lớn cho nên vui. “Tự rất vui mừng may mắn:” Trước nói vui mừng nay tự vui mừng: “Được lợi lành lớn:” tức là Phật đạo.

“Thế tôn, chúng con hôm nay xin nói thí dụ để chỉ rõ nghĩa đó:” là nói rộng lãnh giải, lại chia làm ba:

1) Xin ưa nói.

2) Chính là nói thí dụ.

3) Hợp thí dụ.

Trong Pháp thuyết nói lược đức Thích-ca một thời hai giáo đại tiểu việc cũng chưa hết, nay nêu thí dụ nói rộng vô lượng việc và pháp môn từ trước đến sau mới được hiển bày tâm mê ngộ và khen ngợi công của Đức Phật. Để hiển rõ nghĩa kia: là thí dụ văn tuy dài chỉ nói về nghĩa được mất. Hai chương đầu là mất, chương sau là được. Lập ra dụ nói về hai nghĩa này.

“Thí như có người...” là khai thí dụ. Nay dùng ba môn giải thích nghĩa thí dụ:

1) Lai ý môn.

- 2) Thiếu đa môn.
- 3) Lãnh giải môn.

- *Lai ý môn*: theo luận Pháp Hoa nói dụ nhà lửa phá phàm phu, nêu dụ cùng tử bác bỏ Nhị thừa chấp, do đó trước phá phàm phu, kế bác bỏ Nhị thừa, chỉ bày thứ lớp pháp môn phá bệnh dần dần. Người Thanh văn cho rằng Ba thừa đặc Niết-bàn pháp đồng Ba thừa đều là người ba vô học cũng không khác. Cho nên, nay nói về pháp Nhị thừa sở đắc cũng như am tranh, pháp sở đắc của Như lai như nhà lớn. Người Nhị thừa cũng như cùng tử, đức Như lai như Trưởng giả rất giàu có. Vì vậy nên Ca-diếp tự nói Đại tiểu nói về đầy đủ thua kém, khiến người thọc theo Tiểu thừa bỏ tiểu nhập đại cho nên nói Thí dụ đây. Khiến các Bồ-tát biết Đại thừa cao quý, Tiểu thừa yếu kém, mà quyết định trú Đại thừa không thoái chấp Tiểu cho nên nay nói thí dụ. Lại khiến lãnh thọ Phật dạy người Tiểu thừa biết đầy đủ Thích-ca một phen hóa pháp môn từ đầu đến cuối, biết các giáo quyền thật trước sau sâu cạn hiển mật... cho nên nói thí dụ này.

Nói về môn đa thiếu: Giải thích thí dụ này khác nhau, nay phải chia làm mười:

- 1) Cha con.
- 2) Giữa đường thất lạc.
- 3) Con dần hồi trở về quê.
- 4) Cha con thấy nhau.
- 5) Gọi con không được.
- 6) Đội nước lạnh vào mặt con.
- 7) Dẫn dắt con trở về nhà.
- 8) Giao phó tài, mật hóa.
- 9) Rèn luyện tiểu tâm.
- 10) Giao cho gia nghiệp.

1) *Thí dụ cha con*: Đức Thích-ca đời quá khứ vì nói pháp Đại thừa này gọi là cha, vì kia đã từng lãnh giáo Đại thừa hóa nên gọi là con. Cho nên văn dưới chép: Đây là con ta do ta sanh ra.

2) *Giữa đường thất lạc*: Quán tâm yếu đuối, phiền não mạnh mẽ, bị hoặc sai khiến lôi kéo, trôi lăn trong sanh tử nên con lạc cha. Đức Như lai tìm kiếm Đại thừa gốc lành thành tựu không được gọi là cha con thất lạc nhau.

3) *Người con dần hồi trở về quê*: Pháp chủng các khổ ưa cầu Niết-bàn cho nên khổ cực có nghĩa trở lại nguồn, nên chứa nhóm gốc lành dần dần có đường hướng về lý Đại thừa cho nên nói con dần hồi trở về

quê.

4) *Cha con thấy nhau*: ở trong một hình Đại thừa gốc lành thành tựu, có nghĩa ngộ nhập Đại gọi là con thấy cha, thấy trong một hình kia Đại thừa gốc lành thành tựu gọi là cha thấy con.

5) *Gọi con không được*: khi Đức Phật mới thành đạo căn cơ Đại thừa chưa thuần thực, không có khả năng thọ Đại hóa, gọi con không được.

6) *Đội nước lạnh vào con*: khi mới thành đạo Đại thừa gốc lành chưa thuần thực chỉ có trời người thiện căn thành tựu cho nên vì các trời người nói giáo như đội nước lạnh vào mặt liền tỉnh ngộ nên gọi là đội nước lạnh vào mặt.

7) *Dẫn dắt trở về nhà*: Xưa ở dưới gốc cây nói giáo lý trời người, bởi là thừa thế gian sanh tử ví như hương đến nhà khác, kể đến vườn Nai nói Nhị thừa là pháp ra đời khiến từ thế gian trở về xuất thế gian, pháp ra đời là nhà Trưởng giả cho nên gọi dẫn dắt trở về nhà.

8) *Giao phó tài sản, mật hóa*: chí Tiểu thừa dần dần thay đổi, căn cơ Đại xa động nên nói pháp Đại thừa, mật dạy cho người Tiểu tâm nên gọi là giao phó tài sản, mật hóa.

9) *Rèn luyện tiểu tâm*: Từ Bát-nhã về sau đến trước Pháp Hoa các giáo Phương Đẳng chê trách Thanh văn, khen ngợi Bồ-tát, khiến bớt tiểu tâm hèn kém, dần ưa thích Đại đạo gọi là rèn luyện tiểu tâm.

10) *Giao cho gia nghiệp*: Tiểu chấp đã trừ, đại căn cơ thành tựu, cho nên vì nói nhất thừa khiến nối dõi gia nghiệp Phật, nên gọi là giao cho gia nghiệp.

Nói môn lãnh giải: mười thí dụ này lại lãnh giải sáu dụ trong phẩm Thí dụ: Dụ cha con: lãnh trên dụ chung Trưởng giả và ba mươi người con. Dụ giữa đường thất lạc: lãnh trên dụ thấy lửa, “Nghe có người nói, các con của ông trước do dạo chơi vào trong nhà lửa này”: Bởi chúng sanh có căn cơ với Phật nên Phật ứng nhập sanh tử; có cơ cảm Phật, tức là thí dụ thứ ba: con lần hồi trở về quê. Phật ứng nhập sanh tử như cha biết con nên lại dừng nghỉ ở một ngôi thành giữa đường là thí dụ thứ tư: Cha con thấy nhau: trở lại lãnh dụ thấy lửa phẩm trên. Chúng sanh có cơ cảm Phật như con thấy cha, Phật ứng nhập sanh tử như cha thấy con, nay ba thí dụ đồng lãnh thí dụ thấy lửa. Chỉ Đại thừa cách nhau, dự định hóa độ không thể mỗi việc hoàn toàn đồng. Tức nay thí dụ thứ năm: gọi con không được: lãnh thí dụ cứu con không được ở trên. Đội nước lạnh vào mặt: lãnh thí dụ ba xe như nói “các thứ”. Văn trên nói như các thứ xe dê xe hươu xe trâu tức là đây. Trước Ba thừa là ba xe nói về các thứ

nghĩa là trước Ba thừa nói thừa trời người bởi vì chú giải kinh xưa giải thích chớ nghi. Dẫn dắt trở về nhà: lãnh thí dụ hai xe hươu và dê trong ba xe mà giáo hóa con được ở trên, trên lãnh hai xe cho nên nay lại nói về hai người sai khiến. Giao phó tài, mật hóa, rèn luyện tâm Tiểu thừa hai thí dụ lãnh thí dụ xe lớn trong ba xe; chọn xe lớn trong ba xe chính là nói về pháp Đại thừa tức các kinh Đại thừa trước Pháp Hoa. Vì vậy nên hai thí dụ ở lãnh giải. Giao cho gia nghiệp: lãnh trên dụ đồng ban cho xe lớn. Sở dĩ không lãnh dụ thứ sáu: chẳng đối gạt, vì đã được lãnh giải nên biết Phật không luống dối nên không lãnh thí dụ này. Nhưng xưa các Sư giải kinh một bề chấp các dụ sau phải đồng như trước, vì lầm ý chỉ của kinh! Vì sao? Vì Phật và đệ tử cùng hiển phát thâm giáo điều phục chúng sanh nên chuyển thế nói pháp, cho nên Phật nói sáu thí dụ ở trước, đệ tử nói về mười dụ ở sau chính là so sánh Đại thừa cùng lãnh mà hình thế đều khác, nên dùng sau mười dụ thứ lớp làm chánh, lãnh sáu thí dụ trước là phụ. Ví như đại ý phẩm Thí dụ và phẩm Phương Tiện là đồng mà chuyển biến là khác.

“Thí như có người:” là thí dụ cha con. Văn này nói cha con gồm có bốn phen:

- 1) Căn cứ con nêu ba dụ.
- 2) Cha căn cứ văn nêu ba dụ.
- 3) Cha căn cứ con nêu hai nghĩa.
- 4) Căn cứ cha nêu hai nghĩa.

Căn cứ con nêu ba dụ:

- 1) Dụ làm con.
- 2) Dụ giữa đường mất cha.
- 3) Con dần dần trở về quê.

Căn cứ cha cũng nêu ba nghĩa. “Thí như có người”: tức ở đây hợp ba căn Thanh văn. Có người tức dụ cho con. Trước Đức Phật vì Bồ-tát như hành mà nói, chúng sanh như nói mà hành đồng, cùng nghĩa một hành như cha con. Thơ bé: Đây là nghĩa tiểu, con thì chung cả, tiểu cho nên nói riêng thơ bé. Thọ hóa ban đầu nên gọi là thơ, quán giải yếu đuối nên gọi là bé. “bỏ cha trốn đi”: là Thí dụ giữa đường cha con thất lạc. Do thọ hóa ban đầu, quán giải yếu đuối không thể tự bền chắc liền bị hoặc lôi kéo do đó lạc cha. Đức Phật có khả năng nói giáo tiêu biểu lý, vì Phật cha, nay con mê giáo hoặc lý không thể cảm Phật nên lạc cha. Nhưng lạc cha có hai: Căn bản mất như kinh Niết-bàn chép: tùy theo kia trôi dạt trong sáu vị mà khác nhau mất Phật tánh cho nên có sáu đường khác nhau: do mất đây nên Chư Phật, Bồ-tát nói Đại thừa chánh

giáo khiến như được lại điều đã mất, chỉ vì chúng sanh hoặc mạnh, quán yếu lại hoặc giáo mê lý, vì vậy mất lại càng mất, trước hết là mất tự tại, sau là mất học giáo.

Hỏi: Mất sau là có đầu mối, mất trước vào thời nào?

Đáp: mất trước hữu thủ và vô thủ cả hai đều có lỗi. Cho nên luận Trí Độ chép: Nước sâu hầm lửa đều có công năng hại người, hữu thủ, vô thủ đều hại chánh quán. Kinh Hoa Nghiêm chép: hữu thủ vô thủ là vô ký nên Phật không đáp.

Lại kinh chép: Có một Tỳ-kheo hỏi Phật mười hai nhân duyên tự tác, tha tác. Vô minh tự khởi là nghĩa hữu thủ, gọi là tự tác, Tha tác lại từ tha khởi là nghĩa vô thủ, Phật dùng các nhân duyên mà quở trách: như người bị tên độc bắn trúng, chỉ cần mời thầy thuốc cứu chữa rút mũi tên ra, không nên tìm hiểu nguyên nhân có mũi tên độc. Như một câu này là điều mà các học giả rất mê muội cho nên nói lược. “Trốn đi”: là mê hoặc giáo lý việc ẩn mật mà chúng sanh không hay biết nên gọi là trốn (đào), trái lý hướng về hoặc nên gọi là đi mất. “Ở lâu tại nước khác”: Dùng lý Đại thừa làm nước mình, trái lý khởi hoặc, hoặc tức là nước khác. Trái lý chứa nhóm thời gian gọi là lâu, chấp hoặc không bỏ gọi là ở. Hoặc mười - hai mươi cho đến năm mươi năm: giải thích nghĩa ở lâu. Mười: là cõi trời. hai mươi: cõi người. Năm mươi: tức là ba đường còn lại. Ban đầu mất quán khởi hoặc còn nhẹ nên sanh lên cõi trời, hoặc dần nặng cho nên sanh xuống cõi người hoặc chuyển nặng liền đến ba đường. Nói “hoặc” là từ ngữ không nhất định không hẳn đầy đủ trải qua, hoặc có thể là trải qua khắp. Lại nói hoặc giả như dưới nói hơn năm mươi năm. Người ấy tuổi đã lớn: là do cách đại hóa lâu nên gọi là lớn. “Lại thêm nghèo cùng khổ: tức trái với giáo hóa, lâu chuyển, điều thiện mới không sanh là nghèo cùng thiện dần dần tận gọi là nghèo, tên cùng tử hiển ở câu này. “Rong ruổi bốn phương; để cầu ăn mặc: là thí dụ con dần dần trở về quê. Cơm áo: là vui trời người. Bốn phương: Bốn sanh (bốn loài) lại bốn phương là trừ địa ngục súc sanh còn lại bốn đường, không nơi nào không tìm cầu rong ruổi.

Hỏi: Chúng sanh đã trái lý khởi hoặc, chịu đủ các khổ gốc lành do đâu sanh ư?

Đáp: Thiện căn có ba nghĩa nên sanh:

1) Pháp chủng các khổ nên ưa cầu Niết-bàn cho nên khổ cực mà cầu là.

2) Chúng sanh từng bấp thọ đại hóa mà hạt giống thiện căn không thể hủy diệt.

3) Chư Phật, Bồ-tát có ba loại hóa:

a) Vãng hóa: tức xưa vì nói Đại thừa.

b) Tùy theo hóa: chúng sanh trái hóa khởi hoặc lưu lạc trong sanh tử, Chư Phật Bồ-tát theo vào trong sanh tử mà hóa độ.

c) Tất cánh hóa: khiến được thành Phật rồi mới bỏ, nay là tùy theo hóa trong ba hóa nên được sanh gốc lành.

“Dần dần tình cờ về đến bốn quốc”: Bốn quốc tức lý Đại thừa. Kinh Tam-muội Pháp Hoa chép: trở lại nguồn tận trừ nhà dục khiến người trở về quê cũ, quê cũ gọi là vô vi, vô vi gọi là nhà thanh tịnh. Phật đáp Bà-la-môn rằng: Bát-nhã là quận, bản tế huyện, siêu nhập thành bất cú là dặm, Tát Bát-nhã là ở dưới gốc cây, trái ác hương thiện, lý thiện không thể đốn tu gọi là dần dần, đương lúc này chỉ có trời người thiện vọng đại hóa khó đến cũng là dần dần. Thiện trời người chẳng gọi là bốn thiện, thất lạc nơi kia gọi là đạo đi. Thiện trời người tuy chẳng phải bốn thiện mà thiện lực xa giúp đỡ đại căn cơ cho nên nói tình cờ. Thích Luận nói có thiện sở đắc là do vô sở đắc sơ môn tức việc đó. Trước tức bỏ cha gọi là trái, nay trở về chỗ cũ gọi là hương.

Hỏi: Nếu dần dần đạo đi cũng là thiện trời người thiện trời người cũng là hơn năm mươi năm còn ở nước khác, sao gọi là đạo đi tình cờ trở về bốn quốc ư?

Đáp: Kinh đã nói dần dần chẳng những có gốc lành trời người cũng có nghĩa phát đại tâm, hành đại hạnh, căn cứ đầu mà nói nên gọi là thiện thế gian.

“Người cha từ trước đến nay tìm con không được”. Đây là căn cứ cha nói về ba nghĩa:

1) Khi làm cha.

2) Giữa đường lạc con.

3) Giữa đường dừng nghỉ ở một thành.

Người cha: tức người cha lúc đầu, đối với nghĩa thứ nhất ở trên tức là con. Từ trước đến nay tìm con không được. Đối nghĩa thứ hai trước là con lạc cha. Do con lạc cha cho nên cha tìm con. Thiện căn Đại thừa thành tựu không được. Dừng nghỉ ở một thành trong nước đó, là ba đối trên: Con dần dần trở về quê. Căn cứ thí dụ mà nói là cha con thiên tánh đường cảm ứng giao nhau, con đã dần hồi trở về bốn quốc thì cha trong nước đó dừng nghỉ ở một ngôi thành để đợi con. Nói theo lý thì người ba căn Thanh văn đạo duyên ứng thuận thực. Như lai ở địa vị pháp thân chiếu thấy cơ duyên kia cho nên tùy ứng thành Phật. Trong đó dừng nghỉ: Căn cứ thân mà chép: văn này từ đầu đến cuối có đủ ba

thân. Trước nói cầu con không được tức pháp thân gọi là thời trước, nay là thân Xá-na khi mới thành đạo giáo hóa các Bồ-tát chưa giáo hóa Nhị thừa gọi là thời giữa dừng nghỉ, sau cõi y quý giá mặc áo thô xấu là Đức Phật Thích-ca giáo hóa Nhị thừa kia gọi là thời sau. Như người đi đường chưa đến nơi mong cầu mà giữa đường dừng nghỉ. Căn cứ Thanh Văn lãnh giải là dụ đức Như lai ra đời vì hóa độ các con, đại cơ đã thuận thực nên chỉ giáo hóa Bồ-tát, chưa giáo hóa Nhị thừa, cho nên nói trong đó dừng nghỉ. Cũng được nói xưa hóa, nay hóa giữa hai thời gian gọi là dừng nghỉ trong nước đó. Thù ững ở một phương thành Phật nên nói một thành, lại thù ững là hiển một đạo cho nên gọi là một, ngăn ở tà vạy gọi là thành.

“Nhà ông giàu lớn”. Nói theo tích lúc trước Bồ-tát xếp vào cha con mà con trái với cha lưu lạc trong sanh tử nghèo cùng khổ, rồi cha lạc con hạnh mãn thành Phật các đức đầy đủ như giàu có lớn, nay đại ý vẫn đối với con nghèo cùng, khen cha giàu lớn không thiếu vật gì. Văn chia làm ba.

1) Khen ngợi hóa chủ.

2) Nói về đồ chúng.

3) Nói về giáo môn, tức là pháp thuyết chân thật và do người nghe lược so sánh khi mới thành đạo ở hội Hoa nghiêm có ba việc. Nếu chọn trong đó dừng ở một ngôi thành dự định nơi hóa xứ thì là tịch diệt đạo tràng ở Ma-kiệt-đà. Giàu lớn: là Phật địa đủ các đức, mười lực vô úy thể kia đáng quý giá nghĩa đồng bảy báu, trong các đức nuôi dưỡng tuệ mạng như kho an dưỡng pháp thân như đụn (khổ) lại pháp bảo không thể dòm ngó cũng như kho đụn, nghĩa viên mãn như đầy, xuất dùng nghĩa như tràn.

“Tôi tớ rất đông... là nói về đồ chúng: khi mới thành đạo sở hóa chẳng phải một cho nên nói có nhiều, ngoại phạm như tôi tớ, nội phạm như lại dân, đấng Địa trở lên có khả năng trợ giúp Phật mở rộng giáo hóa gọi là thần tá. Lúc này, chưa có Thanh văn không được nêu hiệp với Nhị thừa. “Voi ngựa xe cộ”: là nói về giáo môn. Voi ngựa năng chở nặng đến xa, giáo môn có khả năng vận chuyển phạm lên Thánh, tức giáo năm thừa, như phẩm Tánh Khởi trong kinh Hoa nghiêm nói đủ năm thừa. “Vô số”: là tám muôn pháp tạng và pháp môn bất khả nói. “Cho vay thấu lời lãi”: hóa từ Phật xuất là cho vay, hóa công trở về Phật là thấu vào, giáo trao là giúp lãi hồi hướng làm lợi ích lớn. “Khắp đến nước khác”: là Hóa khắp mười phương. “Khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều”: Dân thế tục có bốn nghiệp: Nông, thương, công, cổ:

Nông là làm ruộng. Thương: là mua lượng vật giá trị gọi là mua hàng hóa. Công: là thợ khéo. Cổ: là ngôi bán, chữ cổ ở đây ứng với Tây hạ là “Cửa cải”, nay văn kinh nói chữ cổ chính là cổ định giá thuế. Khách buôn bán: trên là người trao đổi vật, nay khách bán tức là người bán vật. Cõi này bầm thọ đạo truyền hóa phương khác gọi là thương buôn, cõi này thọ hóa tức cõi này nói pháp gọi là cổ. Hai hạng người trước sở hóa chung lãnh giáo như khách, buôn bán tức khi thành đạo có việc này nên mượn làm thí dụ.

“Lúc bấy giờ, gã nghèo cùng kia v.v...” là nói lại về con chia làm hai:

- 1) Lý do gần cha.
- 2) Chính là nói về gần cha.

“Đạo đến các tụ lạc trải qua xóm làng” là lý do gần cha. Chú giải kinh rằng: Đường ác như xóm làng, đường lành như quốc ấp đều là trải qua sanh tử. Lại giải thích xóm làng nhỏ nên dụ cho nhân thừa, quốc ấp lớn dụ cho thiên thừa, lại giải thích đây nói về thiệt căn dần dần thêm lớn nghĩa đạo từ làng xóm dần dần đến quốc ấp. Nhưng ở trong nước đó đừng nghĩ ở một thành đã ví như khi Đức Phật mới thành đạo nên con nghèo khổ không ứng bắt đầu đạo chơi trải qua sanh tử, chỉ vì nay tìm việc đã qua kia. Sở dĩ được đến thành, do trải qua quốc ấp nên đến, do quá khứ từ đường ác đến đường thiện và do gốc lành dần dần thêm lớn nên được gần lý Đại thừa. “Đến chỗ thành của người cha ở”: ý nói là gần cha, thiện duyên dần dần lôi kéo gần đến lý.

“Người cha thường nhớ con”: lặp lại nêu cha, văn chia làm hai:

- 1) Nói khổ mất con nghĩa là tâm đại bi.
- 2) Nếu vui được gặp con gọi là tâm đại từ.

Hỏi: Trước đã nói cha có gì khác với nay?

Đáp: Trước nói cha tìm con không được, giữa đường dừng nghĩ ở một ngôi thành tức là tìm con, thiện căn Đại thừa không được, mà thù ứng giáo hóa các Bồ-tát. Nay nói về tụy hóa Bồ-tát mà tâm không bỏ Nhị thừa cho nên nói cha thường nhớ con. Nếu dùng hai thứ hóa mà chia chia môn thì trên không phước bỏ gia nghiệp gọi là giáo hóa Bồ-tát, từ văn này đến hết thí dụ đều là giáo hóa Nhị thừa. Lại người cha hằng nhớ con, là do con trái hóa từ lâu ở trong sanh tử tâm đại bi cha thường muốn cứu giúp nên nói nhớ. “Mà chưa hề hưởng đến người nói việc như thế”. Là khi mới thành đạo chỉ nói đại hạnh Bồ-tát chưa nói người Nhị thừa vốn là Phật tử từng được giáo hóa Đại thừa nay trái hóa lâu. Lại giải thích tức gọi Nhị thừa là người, khi mới thành đạo người Nhị thừa

đại căn cơ chưa phát không có khả năng nghe, nói là con. “Chỉ tự suy nghĩ lòng rất ăn năn hối hận. Hối hận: Xưa hóa không sâu sắc khiến mất Đại thừa, lưu lạc trong năm đường sanh tử, bởi trong tâm tha thiết đau xót nên tạm gọi là hối hận. “tự nghĩ già yếu”: giải thích ý nhớ con, tích một phương giáo hóa một thời không bao lâu sẽ diệt cho nên nói già yếu. Lại phước bỏ Đại thừa hóa đã lâu nên nói già yếu. Lại Như lai cùng lấy công giáo hóa làm tuổi thọ. Thiện của sở hóa đã yếu, công năng hóa cũng kém tức đồng nghĩa già yếu. Lại cuối cùng phải giao phó như già yếu. “Nhà có nhiều cửa cái”: Văn nói lý vô lượng “Không có con cái:” khi mới thành đạo tuy nhiều Bồ-tát thật sự có khả năng nối nghiệp Phật, chỉ vì Nhị thừa làm thí dụ cho nên nói không có con cái, Nhị thừa chưa có khả năng tự ngộ như không có con. Lại chẳng phải chưa thể truyền bá hóa độ như không có con cái, “nên ân cần luôn nhớ con”: là tổng kết nhớ con có hai nhân duyên:

1. Đức Phật cách đời.

2. Không người nối dõi cho nên pháp bảo tan mất, do đó nhớ con. “Lại nghĩ rằng:” là giả như vui được gặp con. Trên khổ nhớ con làm thí dụ trước không có căn cơ nay vui được gặp con làm thì dụ sẽ có đại căn cơ. Vì Đức Phật biết chắc sẽ có đại căn cơ có khả năng nối tiếp việc Phật, vì vậy nên dự tưởng thấy được con vui. “không còn sầu lo:” Đã một kỳ được con liền dùng pháp tài giao phó khiến truyền hóa không dứt làm vô tận, đèn pháp sáng tỏ thì vui hợp bốn tâm Phật cho nên không còn tìm kiếm, chẳng có lo sầu, cũng không lo lắng bị mất Đại thừa pháp tài.

“Bạch Đức Thế tôn! Bấy giờ gã cùng tử làm thuê...” là nói thí dụ cha con thấy nhau: cùng trong một hình dáng Đại thừa thì gốc lành thành tựu sẽ được lãnh ngộ gọi là con thấy cha. Phật thấy trong một hình kia sẽ ngộ Đại thừa như cha thấy con. Văn chia làm hai:

1. Con thấy cha.

2. Cha thấy con.

Con thấy cha có bốn trường hợp: hợp làm ba:

1. Lý do thấy cha.

2. Chính là nói thấy cha.

3. Nói chánh thấy cha. Không biết, chạy trốn, tâm sợ sệt. “Làm thuê làm mượn lẫn hỏi:” Do làm thuê làm mượn lẫn hỏi đến nhà cha, do tu hành thêm lớn xa giúp Đại thừa như tình cờ đến nhà cha. Nhà cha là chánh lý Đại thừa. Chắc chắn phải ngộ lý giao tiếp với lý như đến nhà.

Hỏi: Ban đầu nói tướng về nước, kế nói đến thành, nay nói đến nhà, ba dụ này có nghĩa gì?

Đáp: Đây đều là cách ngộ Nhất thừa nghĩa gần xa, đại ý nói về ngộ nhất thừa gốc lành gồm có ba phẩm:

1) Thiện căn hạ phẩm cách ngộ lý Nhất thừa xa như hưởng về nước.

2) Thiện căn trung phẩm cách ngộ lý thất thừa hơi gần như đến thành.

3) Thiện căn thượng phẩm giao tiếp với lý như đến nhà.

“Đứng ở bên cửa:” Ban đầu chưa tin nhận như trú (ở), cuối cùng phải thực hành như đứng, chưa có đại căn cơ không kham nổi thọ đại giáo như bên cửa. “Xa thấy cha”: là chính nói con thấy cha. Ban đầu chưa tin nhận như đứng bên cửa cuối cùng có ngộ đại như xa thấy cha. Người cha: ở trên y cứ năng thấy, nay nói sự “sở” thấy.

Hỏi: Đầu tiên nói nhà, kế nói cửa, nay nói cha, sau nói châu báu, bốn thứ này có gì khác nhau?

Đáp: Đầu là Đại thừa chánh đạo tùy nghĩa đặt tên, chí lý là chỗ dừng ở của các bậc Thánh ví như nhà, rộng suốt vô ngại như cửa, năng sanh gốc lành cho chúng sanh là cha, đáng quý trọng nên như châu báu.

Trình bày sự thấy cha gồm có sáu việc, mà năm câu đầu nói riêng những chỗ thấy, chỉ vì các sự thấy đã nhiều không thể nói đủ nên một câu sau tổng kết. Năm câu là:

1) Thấy cha ngồi giường sư tử, ghế báu đỡ chân.

2) Quyến thuộc cung kính bao quanh.

3) dùng vật báu trang nghiêm thân.

4) Tôi tớ đứng hầu hai bên.

5) Màn, báu che trên v.v... cho đến phát, thâu, lấy cho.

Năm thứ này đều khen cha giàu sang, như khen ngôi Phật trụ trong Đại thừa chẳng đức nào không tròn đầy, chẳng lụy nào không dứt hết, để đối với Tiểu thừa nghèo hèn khiến chúng khởi tâm ưa thích, nhằm chán Nhị thừa. Ngồi tòa sư tử ghế báu đỡ chân: nên dựa theo hai đức trong ngoài của Phật giải thích: Đức ngoài: Kinh Hoa Nghiêm chép: Nơi tòa sư tử Liên hoa tạng như ngồi giường sư tử, đất kia bằng kim cương ghế báu đỡ chân. Đức bên trong: Nhất thừa dùng Trung đạo chánh quán làm thể, không chịu đoạn thường nên nói không sợ. Trung đạo chánh quán sẽ nương cảnh thật tướng như ghế báu đỡ chân.

“Các Bà-la-môn cư sĩ Sát đế lợi đều cung kính vây quanh”: Trên

khen ngợi người năng hóa, nay khen ngợi chúng sở hóa, lại trên khen giàu nay khen sang. Lại Bát địa trở lên Pháp thân thanh tịnh như Bà-la-môn, Thất địa được gọi là Vô sanh nhẫn, nhập mắt Phật địa tức là Vương chủng, nghĩa đồng Sát đế lợi, sơ địa trở lên thực hành bố thí đầy đủ nghĩa đồng giàu lớn dụ cho cư sĩ, đều cung kính khen ngợi Như lai giúp Phật mở mang hóa cho nên nói cung kính bao quanh. Như Hoa Nghiêm thập thế giới cát bụi số Bồ-tát vậy! Dùng chân châu anh lạc giá trị ngàn muôn trang nghiêm thân là lặp lại khen ngợi người năng hóa, hình chẳng có gì không là pháp, tức là pháp bảo trang nghiêm, pháp bảo trang nghiêm có hai thứ:

- 1) Ngoài đầy đủ tướng tốt.
- 2) Trong đầy đủ các đức.

Đều trải qua nhiều kiếp tu hành thế gian thông không ai sánh bằng cho nên nói giá trị ngàn muôn. “Lại dân tôi tớ tay cầm phát trần trắng đứng hầu hai bên”: ở đây lặp lại chúng sở hóa là lại dân, tức nội phạm. Tôi tớ là ngoại phạm.

Trước nói đấng Địa trở lên, Bồ-tát từ vị cao đến thấp, nay người Địa Tiên cũng từ trong đến ngoài, đây là nói thứ lớp chẳng phải tu hành từng bước như thế, cũng được bốn hạng, lại, dân, tôi, tớ mà so sánh thích ứng Địa tiên bốn mươi tâm. Đều thọ bửu đại hóa đều tu trừ pháp cấu như tay cầm phát trần trắng. Thật ra chúng sanh trừ cấu, mà nói vì Trưởng giả phủ bụi, tức bởi vì chúng sanh bệnh, nên Bồ-tát bệnh, chúng sanh lành nên Bồ-tát cũng lành. Ngộ cạn như bên trái, chiếu sâu như bên phải, tùy hạnh nhận lấy nên nói người đứng hầu. “Màn báu che trên, các phan đẹp rủ xuống...” là khen ngợi giáo môn. “Từ bi ngăn che là màn báu, nhưng chúng sanh dứt kiết như Trưởng giả phủ bụi, cũng tâm từ che chở chúng sanh như che trên Trưởng giả.” Bốn nhiếp trở xuống, v.v... dụ như phước đẹp. Dùng nước thiên định rưới trên đất giới sạch, trôi mất bụi phiền não, rải hoa trí tuệ mở rộng chánh pháp để chỉ bày cho người, như vật báu chưng bày. Hóa từ Phật xuất ra nên nói công hóa phát ra, qui y Phật nên nói trong, người trước bửu thọ đạo là lấy, Như lai thọ ký đạo là cho, sợ thì gọi là oai, ái thì gọi là đức. Lại chiết phục gọi là uy. Nhiếp, thọ gọi là đức, trời người không sánh bằng nên gọi là quý đặc biệt.

“Cùng tử thấy cha” là nói về con thấy cha không biết bỏ chạy tâm sợ hãi. Lý năng phục tình gọi là có thể lực lớn, tình sợ lý thì sanh tâm lo sợ. “Hối hận vì đã đến nhà này”. Tiểu căn cơ bửu thọ Đại tiến lên không có phước nhập lý, lui sụt có tội trái với giáo, nên gọi là hối. “Ông

này chắc là vua, hoặc là bậc đồng vua” Thần thông hóa vật tự tại như vua nói pháp hóa vật như đồng vua. Cũng là thí dụ trên dùng hai vật vạt áo và bàn ghế. Có người chép: Pháp thân như vua, báo thân như bậc đồng vua. “Chẳng phải là chỗ để làm thuê được tiền vật” Lý Đại thừa sâu xa mâu nhiệm, chẳng phải là chỗ tu năm giới mười thiện được quả nhỏ trời người. “Chẳng phải bằng ta qua đến xóm nghèo có chỗ cho ta ra sức để được vật ăn đồ mặc” Trên là nói không có khả năng thọ Đại, nay nói chánh kham hành Tiểu thừa, thừa trời người là pháp sanh tử, không có quả Thánh xuất thế gian tức là xóm nghèo. “Ra sức là gắng sức. Quả báo năm dục như y thực, cầu lạc tiểu quả không khó gọi là dễ được “Nếu như ta đứng lâu ở đây họ sẽ bức ngặt ép sai ta làm”. Đây là nói tiểu căn cơ không nên giữ gìn đại giáo, nếu giữ gìn đại giáo thì giáo không xứng căn cơ, trái tình là bức ngặt, chẳng lạc là ép sai. “Suy nghĩ như thế rồi liền chạy mau đi thẳng” Trái lý thuận tình nghĩa kia như núi lở, cho nên nói chạy mau.

Hỏi: Cùng tử trước vì sao đến nay vì sao đi ư?

Đáp: Trước nói về đại căn cơ cuối cùng có nghĩa phát nên thí dụ đến, nay căn cứ ban đầu có tiểu căn cơ không có khả năng thọ Đại cho nên đi.

“Khi đó, Trưởng giả”: nói cha thấy con. Văn chia làm ba:

- 1) Nơi thấy con.
- 2) Thấy con liền biết.
- 3) Do biết nên vui mừng.

Nhưng cha con thấy nhau thật ra không có trước sau, chỉ muốn nói do cảm nên có ứng, nên đầu nói con thấy cha sau nói cha thấy con. “Ngôi trên ghế sư tử”: là nơi thấy con. Thấy con liền biết: là cuối cùng thấy con có căn cơ Đại, biết từng thọ lãnh đại hóa. “Tâm rất vui mừng”. Là do biết đứa con ấy nên sanh tâm vui mừng. Tuy ban đầu không bẩm thọ căn cơ Đại thừa mà cuối cùng có ngộ lý Nhất thừa cho nên nói tâm rất vui mừng. “Mà tự nghĩ rằng” giải thích vui mừng gồm có ba ý:

1) Nói đã có lý có thể hóa thì sẽ giao phó tài pháp cho nên vui mừng.

2) Ta thường nghĩ nhớ đứa con này”: là nói bốn nguyện mãn cho nên vui mừng, từ bi thường muốn cứu giúp vật, nhưng ngày trước chưa thấy lý đáng cứu mà nay hóa duyên đã phát thích ứng nguyện từ bi cho nên vui mừng.

Hỏi: Sanh thiện do từ Phật, vì sao nói là tự đến?

Đáp: Tuy do Phật làm duyên bên ngoài, nhưng thiện cơ là chúng

sanh cảm nên gọi là tự, do kia phát sanh nên gọi là đến.

“Ta đầu tuổi già vẫn cố tham tiếc”, là nói tuổi già thấy con rất vui mừng, tài vật đối với già cả vô dụng mà tham tiếc vì con, giáo pháp đối với Đức Phật chính là vô dụng, tham tiếc vì chúng sinh. “Ông liền sai người hầu” là thí dụ gọi con không được lãnh thí dụ Trưởng giả cứu con không được ở trên. Trong nhà lửa ở trên mở hai cửa khuyên và răn giáo hóa con không được, nay lãnh ý này mà vẫn chia làm hai riêng: Đầu đều lãnh hai môn hóa vật không được, kế hiệp lãnh hai môn dứt hóa. Đầu lãnh riêng hai môn hóa vật không được tức là hai riêng:

1) Chính là nói giáo Đại thừa hóa con không được.

2) Thí dụ gượng trao Đại thì có tổn hại không lợi ích, hai thứ này cùng hai tư duy trong phẩm, Phương tiện phần lớn đồng, khác nhau với văn khuyên răn ở nhà lửa trước.

Các Sư giải thích kinh xưa nói: Lãnh nhà lửa khuyên răn thì mất ý chỉ kinh. Đầu vẫn chia làm hai:

1) Chánh là nói vì nói Đại thừa.

2) Nói không có căn cơ không có khả năng thọ lãnh.

Văn đầu có hai câu, trước nói sai người đuổi theo dụ Đức Phật nhớ nghĩ muốn sai giáo hóa chúng sanh. Khi mới thành đạo liền muốn vì nói pháp Đại thừa cho Nhị thừa nghe nên gọi là sai. Người hầu bên là đứng đầu hai bên Trưởng giả, Đại thừa là Phật thường dùng pháp cách Phật gần gũi nên gọi là bên, giáo có công năng giải thích lý như người năng chỉ bày nói nên gọi là người. “Đuổi gấp theo bắt lại”: khi mới thành đạo liền nói lên nói Đại thừa muốn cho chúng sanh liễu ngộ Đại thừa nên gọi là gấp. Đuổi gấp hoặc tình của chúng khiến chúng trở lại bốn, thọ Đại hóa nên nói đuổi gấp đem về.

“Khi ấy, sứ giả chạy mau đến bắt”: là nói sứ giả thọ ý chỉ dụ Đức Phật nói chánh giáo hợp duyên, giáo có công năng tuyên truyền ý Phật dụ như sứ giả. Khi mới thành đạo Đức Phật muốn vì người Nhị thừa nói pháp Đại thừa, gọi là chạy mau, giáo chánh hợp duyên nên gọi là đến bắt. “Cùng tử kinh ngạc kêu lớn xưng oan: Tôi không hề xúc phạm sao lại bị bắt”: là nói về không có căn cơ không thọ hóa. Đại giáo phù hợp tiểu căn cơ chẳng phải bốn ý kỳ vọng cho nên nói kinh ngạc, tiểu căn cơ không lường nổi Đại giáo do đó gọi là kinh ngạc, đại giáo trái với Tiểu tâm mà gượng trao gọi là xưng oan, oan là oan uổng, oan uổng việc rất lớn nói lên bên ngoài gọi là kêu oan. Giáo Đại thừa mà căn cơ Tiểu thừa kia cũng như nắp vương, đầy tròn lý không tương xứng gọi là không hề xúc phạm, không nên trao cho vì sao đến bắt. “Sứ giả bắt đó

lại càng gấp cưỡng dắt đem về”: là nói giả thiết, gượng trao Đại thừa thì có tổn chẳng lợi ích. Văn cũng có hai:

1) Gượng trao đại.

2) Không có ích, có tổn hại, quyết muốn trao đại như bắt càng gấp.

Biết căn cơ Tiểu thừa không có khả năng thọ Đại trái tình sai khiến kia liễu ngộ là gượng lôi kéo đem về. “Lúc đó gã cùng tử tự nghĩ không có tội chi mà bị bắt đây”: là nói có tổn hại không lợi ích, không có đại căn cơ gọi là vô tội, do đại giáo che chở như bị bắt bớ. “Đây chắc chắn phải chết”. Giáo đại căn cơ tiểu trái với bốn tình kia, tâm sanh không tin thì khởi chê bai đoạn mất tuệ mạng như chắc phải chết. Lại đời hiện tại khởi hủy báng đời sau đọa vào địa ngục cũng gọi là chắc chắn chết. “Lại càng sợ sệt mê ngất ngã dưới đất”. Tiểu căn cơ nghe Đại giáo kinh nghi, sợ hãi nên gọi là sợ sệt, không thể hiểu đại gọi là mê ngất, lại không thể đi gọi là ngã xuống đất.

“Cha từ xa thấy con”: là hợp nêu dứt hóa. Văn chia làm hai:

1) Chánh là nói về dứt hóa.

2) Nói dứt hóa xứng căn cơ.

Văn đầu lại có hai:

1) Trước niệ m muốn dứt hóa.

2) Chánh dứt hóa, y cứ đầu lại có hai. a) Khai hai chương. b) Giải thích hai chương.

- *Khai hai chương*: 1. Khai dứt Đại. 2. Trao Tiểu. “Nói cha xa thấy”. Đã không thọ đại hóa, thấy tiểu căn cơ kia cách lý rất xa cho nên nói xa thấy, niệ m muốn dứt hóa như nói với sứ giả lý Đại thừa không dung nạp tiểu căn cơ tức “không cần người đó”, chưa thể dùng đại hóa “chớ bắt ép đem đến”. “Rưới nước lạnh trên mặt cho tỉnh lại”: là nói trao tiểu, tức dụ thứ sáu dội nước lạnh vào mặt. Khi mới thành đạo đã chưa thể trao thọ đại hóa, chỉ có trời người tiểu căn cơ cho nên vì họ nói thừa trời người. Căn cơ trời người dụ như mặt, năm giới mười thiện có công năng thoát mê, cõi vương, xứng với căn tình kia dụ như nước lạnh. “Đừng nói chi với nó”: là không thể nói đại. Vì sao? Là đều giải thích hai môn. “Cha biết con mình ý chí thấp hèn”: Đây là nói có tiểu căn cơ giải thích trên trao cho tiểu căn cơ. “Tự biết mình giàu sang làm cho con khiếp sợ”: là nói về Đại thừa tôn quý giải thích trên dứt đại hóa. “Biết chắc là con”: Biết quá khứ kia từng phát đại tâm cho nên nói biết chắc là con. “Mà dùng phương tiện chẳng nói với người khác biết là con mình”: Đây là giải thích nghị cho nên nói. Đã thật là con sao không nói

với sứ giả là con ta sai khiến đến bắt ư! Tức nói sứ giả là người khác, cũng là người hầu bên cạnh, cho nên nay giải thích rằng: Tuy nói xét biết là con mà dùng phương tiện không nói với người khác biết là con mình. Ý này là nói khi mới thành đạo trong giáo môn không được nói cho Nhị thừa biết vốn là Phật tử, ý không nói là ẩn nơi thật, nói tức là phương tiện. Trước sai người gọi con không được nghĩa là không được dùng Hoa Nghiêm đốn giáo độ người Nhị thừa, nay xét biết là con không nói với người khác biết là con mình: tức là không được tiếm nói Nhất thừa trong Pháp Hoa để giáo hóa cùng tử.

“Sứ giả nói”: là nói dứt hóa cũng có hai câu: Đầu nêu Đại giáo không còn bị Tiểu căn cơ gọi là nay ta thả ông. Đi đâu tùy ý: là thuận tiểu căn cơ thực hành Tiểu giáo. “Cùng tử vui mừng”: là dứt Đại trao Tiểu xứng hợp căn tình kia, cũng có hai câu: Đầu lãnh dứt Đại hóa, kế lãnh trao tiểu. Do đại giáo không xứng tiểu căn cơ như bị bắt tù vì vậy nên kinh sợ, dứt nơi Đại hóa ứng với căn tình kia nên tâm sanh vui mừng. “Từ dưới đất đứng dậy”: là lãnh trao Tiểu giáo, lôi kéo đến chỗ cha nên té ngã dưới đất, thả ra nên đứng dậy đi, không hành Đại thừa như té xuống đất, kham tu Tiểu giáo như đứng dậy đi.

“Bảy giờ Trưởng giả”: là thí dụ thứ bảy dẫn dụ trở về nhà, văn chia làm hai:

- 1) Thuê người hốt phân.
- 2) Bảo người làm.

Sở dĩ có hai thí dụ này: Ban đầu lãnh ẩn thật giáo khởi quyền giáo, kế lãnh ẩn bản thân khởi tích thân, cho nên khi mới thành đạo ở hội Hoa Nghiêm là đều nói cả hai, từ vườn Nai trở đi là đều che, đến thời Pháp Hoa là đều khai, nay là đều che. Đầu thí dụ có bốn:

- 1) Biết tiểu căn cơ.
- 2) Nói Tiểu giáo.
- 3) Bấm giáo được lợi ích.
- 4) Thương xót trách.

“Toan muốn dụ dẫn người con”: là thí nói ý giáo Nhị thừa. Sở dĩ nói Giáo Nhị thừa: là muốn dẫn dụ khiến ngộ nhập Nhất thừa. “Mà bày chức phương tiện”: Nêu việc dẫn dụ, không hai nói hai gọi là phương tiện. “Thầm sai hai người:” là nêu việc phương tiện. Nếu hiển rõ nói Trưởng giả sai thì cùng tử sợ không thọ, nếu nói chia một thành ba tức là ba vật phương tiện không tin nhận, cho nên ẩn nơi đây mà che lấp tướng chỉ bày ba nên nói mật. Xưa nói Ba thừa là nói Phật bí mật. Tuy là xưng ba mà thầm dẫn qui về một cho nên nói thầm sai. Nói ba chính

là muốn cho chúng sanh liễu ngộ chẳng ba chẳng một ngôn dứt ý mất. Vì vậy nên ba này gọi là thâm.

Hỏi: Phẩm Hạnh an lạc chép: Phật dạy Bồ-tát chỉ dùng pháp Đại thừa mà vì giải thích, vì sao Phật nay tự nói Tiểu thừa ư?

Đáp: Văn này khen ngợi Phật có năng lực biết căn cơ, có khả năng nói tiểu làm thông đại. Phẩm Hạnh an lạc ban đầu hành Bồ-tát không biết nhân tiểu ngộ đại, chỉ nên nói pháp Đại thừa.

“Hai người”: tức hai giáo tứ đế và thập nhị nhân duyên, năng giải thích lý nên gọi là người. Hình sắc tiêu tụy không có uy đức: Giải thích danh thể của Giáo Nhị thừa, giáo thì nông cạn gọi là hình sắc tiêu tụy, lý chẳng rốt ráo gọi là không có oai đức. Lại sanh thân tướng tốt không tròn đầy như người tiêu tụy, pháp thân các đức không đủ như người không oai đức; lại tự điều tự độ tự tịnh thường hành độc thiện như người tiêu tụy. Ngoài không có công cứu vật như không có uy, trong không có tâm từ bi như không có đức. Lại, Bồ-tát có khả năng chiết phục, nhiếp thọ, chiết phục như uy, nhiếp thọ như đức, Nhị thừa không có nên nói không oai đức. “Hai người nên qua xóm kia, từ từ nói với gã cùng tử”: là có thể thi thiết Nhị thừa với người kia gọi là qua xóm kia, định dùng lời dẫn dụ từ từ mà nói. Lại giáo Đại thừa hóa chúng sinh, chọn nghĩa thành Phật nhanh gọi là chạy nhanh. Tiểu thừa cách Phật quá xa nên gọi là từ từ nói. “Ở đây có chỗ làm trả giá gấp bội”: Cùng tử trước đứng dậy đến xóm nghèo để tìm cái ăn cái mặc tức là thực hành thừa trời người gọi là chỗ kia, nay đối thế gian kia cho nên nói pháp Nhị thừa xuất thế gian là gọi đây. Chỉ bày Tứ đế, mười hai nhân duyên là chỗ tu hành nên gọi là chỗ (xứ). Chỉ bày vui tiểu Niết-bàn vượt quá vui trời người gọi là trả giá gấp bội. “nếu Cùng tử chịu”: là xứng với căn duyên kia có khả năng thọ Tiểu thừa hóa gọi là nếu chịu. “Đem về đây sai làm”: Từ thế gian nhập xuất thế gian gọi là đem đến, chính bầm thọ giáo khiến như lợi dạy mà tu hành gọi là sai làm. Nếu có hỏi muốn sai làm gì: là Tiểu thừa căn cơ phát cảm hóa gọi là muốn làm gì. Lại giải thích nếu làm căn cơ chưa hiểu giáo ý muốn nói lên giáo tông cho nên có trách này. “Nên nói với nó rằng thuê người hốt phân”: Chánh giáo kia tu hành dứt kiết nói lên chánh tông của giáo Tiểu thừa. Lấy hai Niết-bàn cho cùng tử gọi là làm thuê, nhưng sau khiến kia dứt phiền não gọi là hốt phân.

Hỏi: Nếu dùng dứt kiết làm hốt phân thì người Thanh văn chỉ dứt kiến tư, Đại sĩ dứt trừ đầy đủ năm trụ thì Bồ-tát là người đại hốt phân ư?

Đáp: Nhị thừa thấy có phiền não để sanh nên tu giải diệt tức là

sanh diệt đoạn thường, vì thế gọi là thấp kém như người hốt phân.

Bồ-tát hiểu rõ hoặc vốn tự bất sanh cũng bất diệt, quán không sanh diệt nên trừ không có chỗ trừ chẳng phải người hốt phân, phẩm Phương tiện chép: các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng. Kinh Tịnh Danh chép: Vì người tăng thượng mạn nói dứt ba độc, không có tăng thượng mạn thì ba độc tức giải thoát nên không có chỗ dứt. “Chúng ta hai người cũng cùng người làm”: Nhị thừa không thể lìa văn tìm lý, nhờ giáo giải thích lý mới dứt được kiết, thì giáo có công giúp trí dứt kiết gọi là nghĩa “xếp vào”, đối với bốn duyên là duyên tăng thượng. “Khi đó hai người sứ liền tìm gã cùng tử”: là lãnh giải trên duyên nói giáo, duyên và giáo hợp nhau gọi là đã đắc, vì duyên nói giáo gọi là “trình bày đủ việc trên”. “Bấy giờ gã cùng tử trước hỏi lấy giá cả liền đến hốt phân”: là lãnh trên được lợi ích, người nghèo cùng kia tâm hạn cuộc trong Tiểu thừa sợ không được mà nhọc công vất vả cho nên trước hỏi giá cả sau mới làm, Nhị thừa tiểu tâm sợ không đắc quả, cho nên trước hy vọng quả Niết-bàn sau mới tu hành dứt kiết, thí dụ này là tiểu tâm quá thấp kém. “Người cha thấy con thương xót mà trách:” là cha thương xót trách ngày trước vốn có nguyện hạnh Đại thừa mà không thọ Đại pháp, ưa đắm Tiểu thừa nên đáng thương xót, thương không tin Đại quả trách kia chấp Tiểu. Trong đây bốn đại Thanh văn làm dụ thấp kém để chê trách Tiểu thừa. Từ trên tức sai người hầu bên cạnh gọi con không được; thấy con mà sanh tâm thương xót: là nói việc tốt gọi con không đến việc xấu gọi mà đến, sao đáng khinh bỉ ư! Nay thật đắc La-hán là người hốt phân thấp kém, hướng chi chưa đắc quả muốn học Tiểu thừa! Như trong một hình chấp chặt đây là ý của Tỳ-đàm và Thành luận.

“Lại một ngày khác, ông ở trong cửa sổ xa thấy:” là lãnh giải thân chân ứng.

Hỏi: Vì sao trước lãnh hai giáo sau lãnh hai thân?

Đáp: Phải trước chiếu căn cơ không có khả năng thọ Nhất hóa, tin nhận Nhị thừa, rồi sau ẩn pháp thân mà thùy ứng tích, sau vì nói Tiểu pháp tức là thứ lớp.

Hỏi: Vì sao chia làm hai giáo hai thân?

Đáp liền sai người hầu bên gọi là Nhất thừa thật giáo, mật sai hai người là giáo phương tiện, cho nên trước ẩn thật giáo mà khai giáo phương tiện: Hai thân: Trưởng giả ngồi ghế sư tử gọi là thân thật, cởi y châu báu mặc y thô xấu gọi là hóa thân. Đã ẩn thật giáo mà nói quyền giáo tức cũng ẩn chân thân mà khởi hóa thân.

Hỏi: Trên Phẩm Thí Dụ nói: Chỉ nói về thật giáo hóa con không được, quyền giáo hóa con được, không nói về chân thân, ứng thân nay làm sao có lãnh?

Đáp: Phẩm trên có đủ hai giáo, hai thân, Trưởng giả ngoài cửa gọi là pháp thân, kinh sợ vào nhà lửa là ứng thân, vì vậy cho nên văn này lãnh lại ý trên nói, chánh chẳng phải là thân giáo thứ lớp mà đại ý có nên nay lãnh. Lại bốn đại Thanh văn giúp Phật mở rộng hóa, Phật đã nói giáo có quyền thật, kia dùng giáo ví như thân, thân cũng có quyền thật.

Hỏi: Văn này nói về chân thân, ứng thân có gì khác với phẩm Thí dụ?

Đáp: Phẩm Thí Dụ nói Trưởng giả đứng ngoài cửa tức là pháp thân kinh sợ vào nhà lửa gọi là ứng thân. Nay văn nói về Trưởng giả ngồi ghế Sư tử liền sai người bên cạnh, đây dụ khi mới thành đạo Đức Phật Lô-xá-na nói pháp Đại thừa.

Kế là cởi áo châu báu mặc áo thô xấu nói khiến làm siêng năng, tức là ẩn thân Xá na khởi hóa thân Thích-ca nói giáo Tiểu thừa, cho nên dùng thật thân nói thật giáo, quyền thân nói quyền giáo, đây đều là trong tích khai bốn tích.

Văn cũng có bốn:

- 1) Chiếu cơ.
- 2) Ẩn bốn thù tích.
- 3) Nói giáo.
- 4) Nói về được lợi ích.

Bốn thứ này đều theo thứ lớp. “Lại một ngày khác:” Trước là tư duy không có khả năng thọ, đại giáo có khả năng thọ Tiểu giáo, nay là tư duy không có khả năng thấy bốn thân chỉ có khả năng thấy tích thân cho nên nói ngày khác. “Ở trong cửa sổ:” Trưởng giả ẩn chỗ đại mà ở chỗ tiểu thấy con như không được dùng thật trí chiếu soi tiểu căn cơ mà dùng quyền trí chiếu. “Xa nhìn thấy con”: Thấy con cách lý xa nên gọi là xa. Lại bấy giờ còn ở bốn thân chưa thù ứng tích, cách cảm còn xa gọi là xa thấy, cho nên dưới ẩn bốn thù tích được gần gũi con. “Ốm o tiêu tuy phân đất bụi bặm dơ dáy không sạch”: là căn cơ chiếu thấy. Trên nói về thấy con không có khả năng được đại hóa, chỉ thọ Tiểu giáo. Nay nói căn cơ không kham thấy bốn thân, mà kham thấy tích thân. Không hiểu Đại thừa là ốm o, không hành Đại thừa là tiêu tuy. Có kiết sử của phàm phu, Nhị thừa chưa trừ, cấu chướng bị nhiễm, như phân đất bụi bặm dơ dáy không sạch. “Liền cởi áo báu: chuỗi ngọc...”

là nói ẩn bốn thù tích, trước nêu ẩn bốn, kế nói thù tích. Ẩn ba đức Xá na gọi là ẩn bốn, “liền cởi áo báu” gọi là ẩn giải thoát, “Áo tốt mịn màng” là ẩn Bát-nhã, “Cùng đồ trang sức” là ẩn Pháp thân. Đây chẳng phải là ba đức của Pháp thân địa. Vì sao biết? Từ giữa đường dừng nghỉ ở một ngôi thành đến nay rồi, lại ngày khác xa thấy con đều là khi mới thành đạo có việc như thế, nhưng Nhị thừa không có khả năng thấy thân này nên ẩn Xá na kia thị hiện Thích-ca.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm vừa gọi là Xá na, vừa gọi là Thích-ca văn, tức cũng như một Đức Phật vì sao chia làm hai thân?

Đáp: hai Đức Phật có nghĩa đồng và khác, nghĩa đồng như văn đã dẫn, nghĩa khác như kinh Phạm Võng chép: Bốn thân là Xá Na, Tích thân là Thích-ca.

Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Hoặc thấy thân ta là báo thân Phật được trăm ngàn Thích-ca bao quanh, ý này đồng với kinh Phạm Võng. Nay muốn hiển hai giáo hai thân làm khác: bốn thân nói thật giáo hóa Bồ-tát, tích thân nói quyền, giáo hóa Thanh văn. Cho nên lại dùng hai thân Phật Xá-na, Thích-ca để nói về bốn tích. Nhưng thân xứ và giáo không có định phán, Bồ-tát tức thấy Xá na ở Tịnh độ nói Đại thừa, Nhị thừa thấy Thích-ca ở uế độ nói Tiểu thừa. “Lại mặc áo thô rách cấu bẩn”: là thù ứng thân, nhưng Nhị thừa thấy có đủ tám tướng thành đạo, văn này lược hai sự thấy khác nhau của phàm Thánh”. Lại mặc áo thô rách... tức là sanh thân do cha mẹ đồng với chúng sanh có họa lớn. “Bụi bặm lấm thân”: Chỉ bày đồng tâm có phiền não, như nạp phi sanh con là tham sử, sáu năm khổ hạnh là si sử, mắng trách năm người là sân sử, cũng có ba độc như bụi bặm lấm thân. “Tay mặt cầm đồ hốt phân”: hai câu trên chỉ phương tiện, phàm phu từ trên cõi Đâu suất xuống đến dưới gốc cây các việc... nay chỉ Thánh phương tiện tức là dưới Thọ vương (Bồ-đề thọ) thành đạo đến vườn Nai xoay bánh xe pháp. Lại trước chỉ phàm phương tiện do Thánh đồng phàm, nay chỉ Thánh phương tiện khiến phàm đồng Thánh. Tay phải liền cầm: là chân trí có khả năng dứt kiết, tay cầm đồ hốt phân, là trí hội lý nên dứt hoặc. “Bộ dạng đáng sợ” là giải thích ý dứt kiết. Sợ phân dơ thân cho nên hốt phân, sợ hoặc nhiễm tâm nên dứt hoặc, như ba độc là nhân của ba suy, cho nên vượt bốn cửa thành tức biết tham dục dẫn đến già, sân nhuế đến bệnh, ngu si đến chết. Sợ ba độc năng sanh ba suy vì vậy nên dứt hoặc.

“Bảo những người làm rằng”: là nói thuyết giáo, tức là đến vườn Nai chuyển pháp luân tứ đế. Văn chia làm bốn:

1) Khuyên răn.

- 2) Tăng giá.
- 3) An ủi.
- 4) Khen ngợi.

“Các người phải siêng làm việc”, khuyên khiến siêng năng. “Chớ có lười nghỉ”: là răn, khiến chớ làm biếng; tinh tấn thành tựu các đức, biếng nhác bại hoại gốc muôn hạnh cho nên đầu tiên khuyên vãn.

Hỏi: Đến vườn Nai nên nói Tứ đế vì sao lại nêu khuyên răn ư?

Đáp: Lãnh giáo trong quyền thật đã nói về nói pháp Nhị thừa cho cùng tử tu hành, nay ẩn bốn thù tích nói về dạy người làm cho nên khuyên răn.

“Dùng phương tiện nên được gần con” là giải thích ý ẩn bốn thù tích, Phật lý cao xa mâu nhiệm chẳng dùng phương tiện này thì không do đâu mà gần được. “Lúc sau lại bảo con rằng”: là nói về thêm giá tiền. “Người thường làm ở đây” là khiến cho kia thường ở trong chánh giáo tu hành. “Chớ có đi nơi khác”: chớ có buông lung tâm vào trong năm dục. “Ta sẽ trả thêm giá tiền”: Trên tuy khuyên thường làm nơi đây răn đừng đi nơi khác mà sợ không chịu lời khuyên răn này nên dẫn dụ bằng cách trả thêm tiền. Xưa nói: Khi mới thành đạo Phật đã cho thừa trời người rồi, nay lại ban cho kia hai thứ Niết-bàn ra đời gọi là trả thêm giá tiền. Nay cho rằng trong giáo quyền thật nói ở đây có chỗ làm trả giá gấp bội cho cùng tử, tức là đối với thừa trời người nói Niết-bàn ra đời gọi là giá gấp bội. Nói thêm giá là gấp bội giá trên lại còn thêm, nghĩa là ngoài quả Niết-bàn còn có các công đức khác gọi là tăng giá. “Các đồ cần dùng:” là ngoài quả Niết-bàn còn có các công đức trí tuệ đều là sở giúp thần dụng. “Bồn, chậu, gạo, bột v.v... là chi tiết đồ vật cần dùng, gồm thêm bốn vật: Bồn chậu có dụng dự trữ đầy, như giới là gốc của định tuệ. Kinh chép: Nhân giới nầy mà sanh các thiền định, diệt các khổ, gạo bột: là vật để ăn, gạo thô dụ cho định, bột tế như tuệ thuộc về muối dấm; là năm môn ba quán v.v... Vô thường là vị muối, khổ là vị dấm, bất tịnh vô ngã lấy đây mà so sánh, nên nói là thuộc. Chú giải kinh rằng: Định thô như gạo, tinh tấn hành tế như bột, vô ngại như muối, giải thoát như dấm, muối dấm đứng đầu các vị, song đạo là gốc của Nhị thừa. Có người nói bồn chậu như bốn thiền. Gạo bột gọi là các công đức của thiền, công đức hữu lậu thô như gạo, vô lậu công đức tế như bột, muối dấm là chủ của các vị, chỉ quán là chính của các hạnh. “Người chớ tự nghỉ ngại”: là nói nếu tu chắc chắn đắc. “Cũng có người tứ già thấp kém nếu cần ta cấp cho”. Tuy cho các vật lại người cần sai khiến, nay cho người già để sai. Trên ban cho kia ba học tự đức, nay cho

kia sáu thông ngoại hóa, Bồ-tát thần thông vận dụng xa rộng cũng như trẻ mạnh, Nhị thừa thần thông lực dụng yếu hẹp dụ như già nua.

Hỏi: Vì sao cho bồn chậu v.v... cho đến cho người trẻ già để sai khiến ư?

Đáp: Muốn chỉ bày Nhị thừa công đức trí tuệ nông cạn yếu đuối không đáng trân quý, dùng đây để chê trách chấp chặt giáo Tiểu thừa khiến nhàm chán Tiểu, ưa thích Đại.

“Nên phải an lòng”: là an ủi. Chẳng những trong cung cấp vật cần dùng mà ngoài lại còn có lời khéo léo an ủi dụ khiến an lòng nơi đạo môn, cho nên nói phải an lòng. “Ta như cha người”: Muốn mật chỉ là cha con. Căn cứ trước mà nói Thanh văn là tiểu hạnh, Phật là Đại thừa, chẳng phải cha con chân thật, chỉ bảm thọ giáo sanh giải nên nói như con. “Chớ có sầu lo”. Nếu tu vô lậu chắc không sợ khổ già bệnh chết”. Vì sao? Vì ta tuổi già lớn mà người thì trẻ mạnh”: là giải thích nghĩa cha con. Do đạo cao nên gọi là già lớn, đức cạn là trẻ mạnh, đây là lãnh giải nghĩa thầy trò ở vườn Nai. “Người thường trong lúc làm việc”... là khen ngợi. Trên là nói trong cung cấp vật cần dùng, ngoài khéo dùng lời dẫn dụ, nay liền như lời dạy tu hành được lợi ích ở giáo nên khen ngợi. Như lời dạy tu hành nên không “khi đối”, thường siêng năng nên không “biếng nhác”, biết giáo không trái lý nên “khônggiận”, được giáo lợi ích nên “không hờn”, được giáo lợi ích vô tư nên “không oán”. “Đều không thấy người có các điều xấu đó như các người khác”: là nói không có năm thứ lỗi cho nên không phải ác, trái lại năm hạng này thì như các người khác. “Từ nay về sau như con đẻ của ta. Lúc bấy giờ, Trưởng giả lai đặt tên cho cùng tử gọi đó là con”: Trên khen không có lỗi, nay vì đặt tên, đã không có năm lỗi tức có năm đức nhập vô lậu, “từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh dự phần Phật pháp “nên” như con đẻ. Tức đã nhập vô lậu đặt tên Thánh hiền, gọi là Phật tử.

“Khi ấy cùng tử đầu mừng việc tình cờ đó”: là nói bảm giáo được lợi ích. Nhờ ba việc ở trên thêm giá tiền, an ủi dẫn dụ khen ngợi nên nói mừng việc tình cờ đó. Nhưng vẫn còn tự cho mình là khách, là người thấp kém: chưa biết Đại thừa là khách làm, còn chấp tiểu phần là người làm công. Do đó mà “trong hai mươi năm thường sai hốt phân”. Do chưa biết Đại thừa chấp Tiểu phần nên đối với pháp Nhị thừa tu hành dứt hoặc, hai mươi năm tức giáo Nhị thừa. Có người nói dứt hai hoặc kiến tư là hai mươi năm. Có người nói dứt kiến đế hoặc là một vô ngại một giải thoát, đoạn tư duy hoặc là chín vô ngại chín giải thoát gọi là hai mươi năm. Cho nên Tạp Tâm chép: một thứ một thứ chín thứ chín thứ

hiệp thành hai mươi. “Sau đó lòng gã mới lần thể tin”. Trên là nói đối với pháp Tiểu thừa tu hành dứt kiết rồi, từ đây về sau khiến kia dự khai pháp Đại thừa. Sau đó, là y giáo Nhị thừa tu hành dứt kiết đặc quả về sau. “Lòng mới thể tin”: là Đại căn cơ dần dần phát có khả năng nghe Đại giáo. “Ra vào không ngại sợ”: Nghe pháp Đại thừa tâm không sanh nghi. “Nhưng chỗ gã ở cũng vẫn nguyên chỗ cũ”: Tuy nghe Đại thừa còn cho là pháp Bồ-tát chẳng phải sở học của mình.

Hỏi: Giáo trao tài sản tức là Đại phẩm, đại phẩm đứng đầu Đại thừa, từ trước Đại phẩm chỉ nói về Ba tạng cho nên Thích Luận chép: Đức Phật trong Ba tạng chưa nói hạnh Bồ-tát, nếu vậy trước chưa nêu Đại thừa thì Thanh văn do đâu mà đã giải ư?

Đáp: Đại Phẩm trước cũng nói về đã nói Đại thừa. Xưa tương truyền rằng: Đức Phật thành đạo sáu năm nói Kinh-ương-quật-ma-la nói rộng pháp Đại thừa. Lại nói Phật thành đạo sáu năm nói Đại Bát-nhã mười muôn bài kệ không đến cõi này. Lại Kinh Nhân Vương nói về Kim cương Bát-nhã nói trước Đại Phẩm, trong pháp này Thiện Cát đã nghe Bát-nhã bị hỷ giao tập tức là “việc ra vào không xen lẫn”. Bởi do đã nghe Đại thừa cho nên đại cơ dần dần động có thể giao nhận tài sản. Nếu đại căn cơ còn chưa phát không kham nổi tài sản giao phó cho nên nói đại căn cơ đã động.

“Bấy giờ, Trưởng giả bị bệnh”; là thí dụ giao phó tài sản mật hóa. Nhân nghe Pháp Hoa đặc ngộ Đại Phẩm cho nên lãnh giáo Đại Phẩm giao phó tài sản. Nhưng Đại Phẩm và Pháp Hoa tuy đồng là Đại thừa, chỉ vì Đại phẩm hiển giáo Bồ-tát, thâm hóa Nhị thừa, do Bồ-tát Hiển giáo cho nên Bồ-tát lãnh giải được thọ ký thành Phật, thâm hóa Nhị thừa thì Nhị thừa chưa ngộ. Đến thời Pháp Hoa hiển giáo Nhị thừa mới chính đặc ngộ, mới biết ngày trước Đại Phẩm đem bỏ, đó tức là dạy chúng con Nhất thừa, sở dĩ có lãnh giải này vì tự rất thương xót. Trước nói Tiểu thừa khiến con nhập Đại thừa mà chưa hiểu lỗi kia còn nhẹ, thời Đại phẩm tự thân giao phó cho con pháp Đại thừa mà con không biết chính là rất ngu. Có người nói Bát-nhã dạy trong hàng Thanh Văn đã được ngộ đạo, vì chưa hoàn thiện như ý thí dụ giao phó tài sản ở Pháp Hoa nên có lời nói này. Nay cho rằng Đại phẩm giáo nêu lên Thanh văn ngộ giáo Pháp Hoa nói sự ngộ của Thanh văn. Đại Phẩm giáo nói Thanh văn ngộ có hai hạng người:

- 1) Vốn là Tiểu thừa nghe nói Bát-nhã liền đắc tiểu quả.
- 2) Vốn là Đại thừa nghe nói Bát-nhã chứng La-hán.

Sáu mươi Bồ-tát tức là việc ấy. Giáo Pháp Hoa nói về sự ngộ của

Thanh văn cũng có hai hạng người:

- 1) Vốn là Thanh văn ngộ Pháp Hoa đều thành Bồ-tát.
- 2) Bồ-tát nghe kinh Pháp Hoa nghi ngờ đều dứt bất thối chuyển.

Trong văn này chia làm hai:

1) Mạng.

2) Tuổi thọ.

Mạng lại có hai:

1) Duyên do của mạng.

2) Chánh mạng. “Tự biết bị bệnh”: có người chép: Như lai một kỳ hóa độ trước nói Tiểu thừa sau nói Đại thừa: từ Bát-nhã về trước nói giáo Tiểu thừa cuối cùng từ Bát-nhã về sau ở Song lâm nói giáo Đại thừa, nhưng công giáo hóa đã xong là dụ cho qua đời, nay phước bỏ, ít hóa ví giống như bị bệnh. Nếu nghe Đại giáo thì biết Song lâm ví như sắp qua đời cho nên nói “không bao lâu sẽ chết”.

“Có người nói công hóa Ba thừa là mạng, nay sắp nói Pháp Hoa ứng với công hóa Ba thừa sắp dứt, dứt nên gọi là chết. Đại Phẩm cách Pháp Hoa đã ngăn nên nói không bao lâu sẽ chết. Nay cho rằng khi nói Đại Phẩm cách Niết-bàn ít gần như bị bệnh không bao lâu sẽ chết, nói Pháp Hoa cách Niết-bàn càng gần như lúc sắp chết chính là nhập diệt độ như lúc chết, không cần các giải thích khác.

“Bảo với cùng tử rằng”: là nói chánh mạng lại có hai:

1) Giao phó tài sản.

2) Thâm giáo hóa.

Như Đại phẩm ban đầu bảo Thân tử bắt đầu chuyển giáo sai khiến Thiện Cát. “Nay ta có rất nhiều vàng bạc”: như trong Đại Phẩm khuyên học nêu nhân quả đức hạnh hơn tám mươi khoa cho nên nói có nhiều. Trong đó, đức hạnh có khả năng nối kế tuệ mạng như kho, năng nuôi dưỡng pháp thân như đụn, đức bên trong tròn đầy như tràn, công hóa tràn ra ngoài như đầy. “Trong đó có nhiều ít chỗ đáng xài dùng”. Nói rộng là nhiều, nói lược là ít, thọ pháp là lấy xài, trao pháp là dùng. Chú giải kinh rằng: Ứng căn lợi độn làm nhiều ít, tùy cơ khen chê là xài dùng. “Người phải biết hết”: là khiến cho kia biết việc trên lược rộng thọ trao. “Lòng ta như thế người nên thể theo ý ta”: Trên là giao phó tài sản nay là thâm hóa, khiến Thiện Cát lãnh giải tâm Phật. “Vì sao? Vì ta nay và người không khác”: Giải thích trên thể theo ý này. Y cứ xưa mà chép: Trước Thiện Cát nương Phật lực mà nói tức là Phật thuyết, cho nên nói không khác, căn cứ thâm giáo Thanh văn thì Phật là Đấng Pháp vương nên tự hóa Bồ-tát, mà nay khiến Tiểu thừa mở rộng đại đạo giáo

hóa Bồ-tát là sẽ nói về người Tiểu thừa cuối cùng không khác Phật, ý ở đây, nên nói “thể theo ý này”. Lại Bồ-tát hóa tha, Nhị thừa tự hành, nay khiến người tự hành mà hóa tha tức thậm chí Nhị thừa là Bồ-tát, lại khiến người Tiểu thừa mà nói Đại thừa, thậm chí khiến người Tiểu thừa học Đại thừa, Trí Độ tuân giải thích: Mệnh lệnh cho Thanh văn nói gồm có hai nghĩa:

1) Nói lên trong giáo nói về Bồ-tát phiền não chưa thanh tịnh, người không tín nhận, nên không mệnh lệnh cho Bồ-tát, Thanh văn phiền não thanh tịnh thì tín nhận nên mệnh lệnh cho Thanh văn.

2) Phật và Bồ-tát đức cao trọng vọng chúng có nghi hỏi không thể tự hiểu hết, nên Phật và Bồ-tát không nói Đại pháp, mệnh lệnh Thanh văn thì có nghĩa dưới kế nên mệnh lệnh nói.

Hỏi: Vì sao ngài Long Thọ không theo ý Pháp Hoa giải thích mệnh lệnh nói ư?

Đáp: Xét giáo trước chưa được khai giáo sau, giáo sau thì được khai giáo trước, Long Thọ chỉ đương giáo nói về nghĩa cho nên nói như thế. Lại thật có nghĩa này do đó giải thích. Giáo sau khai trước là bảo người Tiểu thừa mà nói Đại Pháp có hai ý nghĩa:

1) Được thâm giáo hóa người Tiểu thừa.

2) Được hiển giáo Bồ-tát. Nếu bảo với Bồ-tát mà nói Đại pháp thì chỉ được hiển giáo Bồ-tát không được thâm giáo hóa Nhị thừa, “Phải gắng dụng tâm không khiến sót mất”, dụng tâm gọi là thuận pháp tùy căn cơ, không khiến sót mất gọi là chớ trái lý sai căn cơ, mật nêu đại pháp sẽ là đảm nhiệm những vật trước đây nên có lời răn này.

“Lúc ấy cùng tử”...: Nhận lời dạy bảo mà nói. Văn này có hai ý:

1) Lãnh lời Phật.

2) Không biết ý Phật.

Nghĩa là không lãnh thâm hóa, lãnh biết các vật: Phẩm tựa, đầu tiên Thân tử bạch Phật, nhờ ba phẩm mà Thiện Cát bắt đầu nhận lời bảo. Sở dĩ vâng lệnh là do Phật không bảo sai nên theo lệnh mà nói. “Mà không có ý mong cầu lấy của đáng chừng một bữa ăn”. Phật nói: khuyên Bồ-tát mà ý ở Thanh Văn, nay chỉ lãnh lời nói kia chưa biết là vật của mình nên không thể theo ý. “Nhưng chỗ ở của cùng tử vẫn như cũ tâm chí thấp hèn cũng chưa bỏ được”: ở trên nói không nhận lấy Đại thừa, đây là nói chưa bỏ Tiểu tâm.

Hỏi: Đại phẩm giao phó tài sản định ở trước Pháp Hoa phải không?

Đáp: Phần đầu rõ ràng ở trước Pháp Hoa, vì sao biết? Vì luận Trí

Độ chép: Đức Phật mười hai năm đầu chưa chế giới đã nói Bát-nhã. Kinh Nhân Vương chép: Phật thành đạo hai mươi chín năm mới nói kinh Bát-nhã. Kinh này nói hơn bốn mươi năm mới nói Pháp Hoa, cho nên biết Đại Phẩm phần đầu ở trước Pháp Hoa.

Ngài Long Thọ giải thích Phẩm Nhất định rằng: Tu-bồ-đề nghe trong Bát-nhã nói về Bồ-tát có lui sụt. Lại nghe kinh Pháp Hoa chép: Tất cả đều thành Phật. Do hai kinh trái nhau cho nên quyết chọn nơi Phật. Do đó hỏi rằng: Bồ-tát ấy là nhất định hay không nhất định? Đức Phật đáp: Bồ-tát ấy là nhất định, tức lấy Pháp Hoa làm thật nói, nếu vậy thì phần sau Đại Phẩm ở sau Pháp Hoa. Cho nên Long Thọ chép: Bát-nhã chẳng phải một hội một thời nói.

“Lại trải qua ít lâu sau”: là rèn luyện tiểu tâm. Sở dĩ phải nói thí dụ đây là vì Nhị thừa nghe Đại Phẩm đã không ngộ, vì sao đến thời Pháp Hoa mới giải ư? Cho nên cần nói về Đại Phẩm về sau các kinh Phương Đẳng rèn luyện tâm kia, khiến cho Tiểu tâm dần dần ưa thích đại đạo, đến thời Pháp Hoa mới được tỏ ngộ.

Hỏi: Phẩm này từ đầu đến cuối nói về bao nhiêu giáo ư?

Đáp: gồm có năm cặp mười giáo: Đốn tiệm một cặp: trước hóa độ con không được gọi là Hoa Nghiêm đốn giáo. Từ đội nước lạnh vào mặt dụ nói thừa trời người đến giáo Pháp Hoa gọi là tiệm nói Đại thừa tức đốn tiệm một cặp. Đốn giáo hóa thẳng đến Bồ-tát tiệm giáo hóa chung hai loại Bồ-tát. Trong phẩm này nói về chánh hóa người hồi Tiểu nhập Đại: Y cứ vào Tiệm giáo thừa trời người gọi là giáo thế gian, từ thuê con hốt phân đến hết Pháp Hoa là giáo xuất thế gian, tức một cặp thế, ra đời. Căn cứ theo xuất thế gian thuê con hốt phân dụ gọi là giáo Tiểu thừa giao phó tài sản gọi là giáo Đại thừa, tức một cặp Đại Tiểu. Trong giáo Đại thừa giao phó tài sản, bảo rèn luyện tiểu tâm này là hai mật giáo Thanh Văn, Pháp Hoa trở đi là hiển giáo Thanh văn gọi là một cặp hiển mật. Căn cứ theo Mật giáo giao phó tài sản, bảo nói khiến người Tiểu thừa nói Đại pháp để hóa độ người Tiểu thừa gọi là tự giáo, rèn luyện tiểu tâm nói về người Đại thừa nói đại pháp để giáo hóa người Tiểu thừa gọi là tha giáo tức tự tha một cặp. hai giáo tự tha gọi là thâm giáo, Phó chúc gia nghiệp là hiển giáo. Năm cặp mười giáo đây chẳng những lãnh Thích-ca nhất hóa mà còn nhiếp chung pháp môn của Chư Phật mười phương.

Hỏi: Ban đầu giáo hóa cùng tử không được, phải dùng bao nhiêu thứ giáo môn điều phục tâm kia sau được nhập Pháp Hoa?

Đáp: Ban đầu giáo môn Hoa Nghiêm đây dạy thẳng đến Bồ-tát

khiến nhập Phật thừa, từ Hoa Nghiêm về sau dựa theo ý phẩm này từ đầu đến cuối gồm có bốn giáo điều phục người hồi Tiểu nhập Đại mới được nhập nơi tuệ Phật.

Nói bốn giáo:

1) Nước lạnh dội vào mặt tức giáo trời người, khiến cho kia ba lìa đường ác.

2) Thuê con hốt phân nói Giáo Nhị thừa khiến lìa phiền não phàm phu.

3) Giao phó tài sản, mật hóa.

4) Rèn luyện tiểu tâm.

Hai thí dụ này để giáo hóa Nhị thừa đồng khiến lìa phiền não của Nhị thừa. Sở dĩ chỉ nêu hai dụ này, vì đại pháp hóa gồm có hai môn:

1) Khiến người Tiểu thừa nói Đại thừa để hóa độ người Tiểu thừa, thì giáo giao phó tài sản gọi là tự giáo.

2) khiến Đại sĩ nói Đại mà hóa người Tiểu, nghĩa là từ Đại Phẩm về sau các kinh Phương Đẳng gọi là tha giáo. Trong tất cả Đại thừa chỉ có hai việc này cho nên dùng hai việc này điều phục tiểu tâm kia rồi sau đặc ngộ Nhất thừa.

Hỏi: bốn giáo này điều phục tiểu tâm đặc ngộ Nhất thừa, thì bốn giáo này đều là phương tiện nhập Nhất thừa, nếu vậy bốn giáo lẽ ra đều là phương tiện nói giáo?

Đáp: Không đúng! hai giáo trước là giáo phương tiện cho nên mượn giáo phương tiện ngộ nhập Nhất thừa, thì dùng giáo phương tiện là Nhất thừa phương tiện, hai giáo sau đều là Đại thừa tức là giáo chân thật, chỉ mượn giáo chân thật ngộ nhập Nhất thừa, cho nên dùng giáo chân thật làm phương tiện nhập Pháp Hoa.

“Cha biết ý chí con lần đã thông thái:” là thí dụ giao cho gia nghiệp. Văn chia làm ba:

1) Cha biết con có chí lớn.

2) Chánh uỷ phó gia nghiệp.

3) Lãnh giải vui mừng.

Đầu có hai câu: Câu một nói đại căn cơ động. Câu hai: tự chê tâm ngày trước: nói Tiểu tâm thay đổi khác với trên trong giao phó tài có hai:

1) Không lấy đại.

2) Không bỏ tiểu.

“Đến giờ sắp chết ông gọi con đến”: là chính là nói Pháp Hoa, văn chia làm bốn:

- 1) Nói về thời gian.
- 2) Nhóm chúng chứng minh.
- 3) Kết hợp cha con.
- 4) Giao cho gia nghiệp.

“Đến giờ sắp chết”: là thời gian giao phó tài sản. Xưa chép: đức Như lai ba mươi tuổi thành đạo tám mươi tuổi diệt độ thời gian năm mươi năm nói, kinh đây gần dẫn đến Niết-bàn, cho nên Phẩm Vô Lượng Thọ chép: Nơi Thành Già-da thành đạo đến nay hơn bốn mươi chín năm. Các Sư đều nói bốn mươi chín năm nói kinh Pháp Hoa. Nay nói về nếu nói Pháp Hoa chắc là bốn mươi chín năm thì Đức Phật chẳng phải mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo. Làm sao biết? Nếu mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo thì từ lúc xuất gia về sau trải qua mười hai năm mà Kinh và Thích Luận nói đêm Thái tử vượt thành xuất gia là La-hầu-la đản sanh; nếu vậy vì sao biết mười hai năm ư! Lại các kinh đều nói sáu năm khổ hạnh, nếu mười hai năm thì trong thời gian đó làm gì? Lấy đây mà suy ra thì chẳng phải mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo, nếu chắc mười chín tuổi xuất gia thì hai mươi lăm tuổi thành đạo, Phẩm Tuổi thọ lẽ ra nói hơn năm mươi năm không nên nói hơn bốn mươi năm. Nay y Thích Luận dẫn Kinh nói ta năm hai mươi chín tuổi xuất gia, nếu vậy tức ba mươi lăm tuổi thành đạo, mà phẩm Thọ Lượng nói hơn bốn mươi năm tức hợp với văn kia. Nếu nói Kinh Giáo khác nhau thích hợp duyên mà thấy thì đây là thời gian không nhất định. Đã gần đến Niết-bàn như nghĩa qua đời.

“Ông gọi người con đến”: là nhóm chúng chứng minh tức trong phẩm Tựa nêu các việc. Nhóm họ chúng Nhị thừa như gọi con đến, Kinh này phần đầu chính vì Thanh văn cho nên nói vì các Thanh văn nói Kinh Đại thừa tên là “Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp”. Vì thế nói là gọi người con đến. Lại nữa, Phật xuất định bảo Xá-lợi-phất tức là gọi người con đến. “Và hội cả thân tộc”. Quốc Vương: Là Đa bảo phân thân. Đại thân: Là các chúng Bồ-tát. Sát lợi: chúng chư thiên. Cư sĩ: Là vua người v.v... không nêu chúng Thanh văn: tức gọi con đến là chúng Thanh văn.

“Ông liền tự tuyên bố rằng:” là kết hợp cha con chính là nói Pháp Hoa. Văn có ba câu:

- 1) Đầu tiên là cha con.
- 2) Giữa đường lạc nhau.
- 3) Cha tìm được con.

Đây là nói lược mười thí dụ ba việc từ đầu đến cuối. “Người này

là con ta.” Là nói Thanh văn vốn là Phật tử. “Của ta sanh ra: Ngày xưa, vì nói giáo Đại thừa sanh hiểu biết Đại thừa tức lấy câu sau giải thích trên nói là con. “Ngày trước trong thành nọ”: là nói giữa đường lạc nhau. “Trôi nổi khổ sở”: là tu hành không chánh đáng. Hơn năm mươi năm: là lưu lạc trong năm đường và Tu-la “Nó vốn tên ấy”: nghĩa là xưa thọ hóa xưng tên. Ta tên ấy: là xưa năng hóa xưng tên ấy. “Xưa ta ở thành này lòng lo lắng tìm kiếm”: là nói tìm được con: Câu đầu nói không được, xưa lý pháp Đại thừa gọi là thành này cũng là quê cũ suy tìm đại căn cơ cũng chưa thuần thực. “Bỗng ở đây gặp được nó”: là chính nói về được con”. Nó thật là con ta ta thật là cha nó.

Hỏi: Trên đã nói đây là con ta do ta sanh ra, nay vì sao lại còn nói ư?

Đáp: Thanh Văn vốn chẳng phải hạt giống Phật nay bỗng nói là con thì dường như phương tiện nói cho nên lập lại có lời nói thật, lại trước nêu ban đầu làm cha con nay muốn giao phó tài sản cho con nên lập lại nói thật là con ta.

“Nay ta có...” là chánh giao cho gia nghiệp. Tức lãnh trên trao ký cho Thân tử, đạo hợp căn cơ thuần thực nghĩa là cha con định pháp tài đại nghiệp thấy đều giao phó. Các duyên khác chúng sanh một hiểu một mê hoặc đều giao lại cho người nối tiếp, cho nên nói trước đây của cải cho ra thân vào con ta đây coi biết, lại trước đây của cải cho ra thân vào chính chỉ cho thời Đại Phẩm. Lúc bấy giờ tuy bị thân vào xuất ra con chưa biết biết là việc của mình. Nay biết cho nên nói con ta đây trông coi.

“Khi đó gã cùng tử v.v...” là lãnh giải hoan hy.

Ông Trưởng giả giàu có đó v.v... là hợp thí chỉ hiệp năm thí dụ.

- 1) Làm cha con.
- 2) Giữa đường thất lạc.
- 3) Dẫn dụ trở về nhà.
- 4) Hiệp giao phó tài sản mật hóa.
- 5) Gửi gắm gia nghiệp.

Sở dĩ chỉ hiệp năm: Vì ban đầu làm cha con là kết duyên ban đầu cho nên phải hiệp. Trái hóa bị lưu lạc trong sanh tử, vì giữa đường thất lạc cũng phải hợp, ba thí dụ sau là đức Thích-ca một kỳ ra đời đại tiểu hiển mật giáo môn đầu cuối cũng cần phải hiệp, các thí dụ khác đã hiển rõ không cần hợp. “Thế tôn! Ông phú Trưởng giả đó”: là hiệp nghĩa cha chúng con đều giống như con của Phật: là hiệp nghĩa con. Bồ-tát là con chân thật Nhị thừa chẳng phải con chân thật cho nên nói giống như. Lại

quá khứ mới học Đại thừa địa vị tu hành còn nông cạn cho nên nói đều giống như con Phật, nếu được chân thật vô sanh mới là con thật. “Như lai thường nói chúng con là con”. Giải thích trên nói đều giống như con Phật. Như lai thường nói chúng con là con; chẳng phải con tự xưng. Lại Phật nhãn chiếu biết chúng con trước bầm thọ Đại thừa mà trái hóa nên vào trong năm đường, nay lại được ngộ tuy còn mê ngộ luân hồi mà chưa bao giờ chẳng phải con nên nói là thường thuyết.

“Thế tôn! Chúng con vì ba thứ khổ”: là hợp thí dụ giữa đường thất lạc. Trái lý Đại thừa về sau gồm có hai việc:

1. Thọ khổ ba cõi.
2. Ưa đắm Tiểu thừa.

Cho nên, luận Trí độ chép: Bồ-tát thoái có hai việc:

1. Tham ba cõi.
2. Ưa Tiểu thừa.

Vì ba món khổ tức tham đắm ba cõi nên thọ ba khổ. Nói ba khổ:

1. Khổ khổ.
2. Hoại khổ.
3. khổ Hành.

Có người chép: Khổ thọ là khổ trong khổ nên lặp lại tên khổ. Có người nói tâm là thể khổ, duyên bức ngặt sanh khổ, thể đầy đủ hiệp nói nên gọi là khổ khổ. Các sự phân theo Luận Tỳ-đàm chép: cõi Dục là khổ khổ, cõi Sắc là khổ hoại, cõi Vô sắc là khổ hành. cõi Dục tuy đủ ba khổ nhưng cõi Dục có khổ thọ nên gọi là khổ khổ, cõi Sắc không có ngoài ép ngặt khổ sanh chỉ có khổ khi quả báo hoại, cõi Vô sắc chẳng những không có ngoài ép ngặt khổ mà quả báo hoại giữ khổ cũng không hiển chỉ có vô thường sai khiến nên khổ. Xét rằng có nặng thì có nhẹ, thì cõi Dục đầy đủ ba khổ, cõi Sắc đủ hai khổ, cõi Vô sắc chỉ 1 khổ. Luận Câu-xá căn cứ ba thọ giải thích ba khổ, khổ thọ là khổ khổ, do khi khổ thọ sanh, khổ khi khổ trụ, do hai thời khổ nên thọ trọng khổ gọi là khổ khổ; lạc thọ là khổ hoại, do khi lạc thọ sanh khi không khổ trụ thì không khổ, chỉ hoại thì khổ cho nên gọi khổ hoại. Xả thọ gọi là khổ hành, xả thọ ba thời khổ đều không hiển rõ chỉ có vô thường, ép ngặt cho nên nói khổ hành. “Mê hoặc không hiểu biết”: là ưa Thích-các pháp Tiểu thừa. Khi còn phàm phu thọ ba khổ mà không biết ra khỏi, nay nhằm chán ba cõi không cầu Đại thừa mà ưa đắm Tiểu thừa. Sở dĩ đắm ưa Tiểu pháp: chính là do mê hoặc không biết cho nên như.

“Ngày nay đức Thế tôn”: là hợp dẫn dụ trở về nhà. Trên có hai:

1. Lãnh hai giáo.

2. Lãnh hai thân, nay vẫn chuyển thế hiệp, chỉ lãnh giáo, không còn lãnh thân.

Căn cứ lãnh giáo chia làm hai:

1. Chánh lãnh quyền giáo.
2. Giải thích nghi.

Lãnh quyền giáo trên có bốn, nay chỉ hiệp nói giáo và tín nhận. Ban đầu vẫn hiệp trên nói giáo. “Chúng con ở trong đó v.v...” là hiệp trên tín nhận. “Nhưng đức Thế tôn...” là giải thích nghi, nghi rằng đã là cha con ân tình, vì sao chỉ khiến hốt phân không cho sự vui mầu nhiệm vì vậy nên giải thích rằng Đức Phật biết tâm ưa thích Tiểu thừa, không thọ đại hóa, vì thế Phật không nói Đại thừa cho nghe mà trao cho Tiểu giáo. Văn này có hai ý: Biết căn tình nên ẩn đại không nói. “sẽ có phần bảo tàng” tức kinh Niết-bàn dụ cô gái nghèo, kho báu v.v... “Dùng năng lực phương tiện:” là nói trao Tiểu thừa. “Nói bày trí tuệ của Như lai”: trí tuệ Như lai tức là Nhất thừa cho nên đối với nhất Phật thừa phân nói riêng ba. “Được giá một ngày” là Tiểu thừa quả thấp như một năm làm thuê một ngày thù lao trả công.

“Chúng con lại nhân trí tuệ của Phật”: là hợp thí dụ giao phó tài sản hóa. Trên có cha giao phó và con thọ nhận nay chỉ hiệp con thọ. Trong con thọ đầy đủ hợp lãnh cha nói không biết ý cha. “Dùng năng lực phương tiện thuận theo chúng con mà nói pháp”: là nói thời trước giao phó tài sản. Đức Phật biết con ưa tiểu pháp không được hiển giáo Đại thừa nên chỉ được dùng năng lực phương tiện mật hóa.

“Ngày nay chúng con mới biết đức Thế tôn v.v...” hợp thí dụ phó chúc gia nghiệp. Văn trên có ba:

1. Biết con có chí lớn.
2. Trao cho gia nghiệp.
3. Lãnh giải vui mừng.

Nay chỉ hiệp hai: Nghĩa là trao cho gia nghiệp và được gia nghiệp vui mừng. “Mới biết đức Thế tôn đối với trí tuệ của Phật không có lẫn tiếc: Xưa thấy Phật riêng dùng tuệ Phật vì Bồ-tát nói, không vì Nhị thừa nói thì cho rằng Phật đối với Nhị thừa lẫn tiếc trí tuệ, nay được lãnh ngộ mới biết Phật không lẫn tiếc. Vì sao? Là nêu ba việc giải thích Phật không lẫn tiếc:

1. Con xưa có đại căn cơ liền vì nói đại, do xưa không có đại căn cơ nên Phật không vì nói đại là biết Phật xưa không lẫn tiếc.

2. “Trong kinh này chỉ nói Nhất thừa”, do Phật nay vì con nói Nhất thừa cho nên biết Phật không lẫn tiếc.

3. Mà xưa Phật ở trước Bồ-tát chê trách Thanh văn”: Nói xưa khen ngợi đại quả trách tiểu tức vì con nói pháp Nhất thừa, chỉ vì con không biết cho rằng Phật lẫn tiếc. “Vì thế nên chúng con nói v.v...” là hợp thí dụ lãnh giải vui mừng.

Như chỗ nên đắc của Phật tử đều đã đắc: sở đắc của Phật tử gồm có ba việc:

1. tâm Bồ-đề.
2. hạnh Bồ-tát.
3. Vị lai đắc Phật đạo, nay đều được đầy đủ ba việc.

Bấy giờ, ngài Ma-ha Ca-diếp v.v... nói kệ.

Hỏi: Vì sao văn xuôi ở đầu nêu Thiện cát nay lại nói Ca-diếp nói kệ ư?

Đáp: Thiện Cát Ca-diếp đều có 1 khả năng, Thiện Cát có công chuyển giáo, Ca-diếp có dụng trì pháp do đó hai người trước sau nêu xen lẫn.

Hỏi: Đại Phẩm không nói về Ca-diếp chuyển, nay trong kệ vì sao Phật bảo chúng con nói đạo tối thượng ư?

Đáp: Trên đã thông, lại Ca-diếp, Thiện Cát khác miệng đồng lời, Ca-diếp nói kệ tức Thiện Cát nói.

Lại nữa luận Trí Độ nói Bát-nhã có hai thứ:

1. Nói riêng cho Bồ-tát.
2. Vì Ba thừa cùng nói.

Đại phẩm thì nói là cùng nói, Ca-diếp tuy không nói mà đại loại cũng như Thiện Cát cho nên được gọi là Ca-diếp nói.

Hỏi: Nghĩa xưa cũng nói về Đại Phẩm là giáo giao phó tài sản có gì khác với nay?

Đáp: Có ba thứ khác:

1. Xưa chỉ nêu Đại phẩm là giao phó tài sản không hợp cha con, nay nói về Đại Phẩm có giao phó tài sản có hợp cha con. Nói hợp, như trên dẫn việc Tất định để giải thích.

2. Xưa nói về Đại Phẩm cạn Pháp Hoa sâu, nay nói về hai kinh không khác, chẳng những hai kinh không khác mà tất cả kinh Đại thừa đồng nói một đạo đồng vì Bồ-tát như Trưởng giả gia nghiệp từ đầu đến cuối không khác, chỉ nói chẳng phải con đúng là con là có khác.

Hỏi: Tức nói con là sâu không nói là cạn vì sao không khác?

Đáp: Vốn dùng Trưởng giả gia nghiệp dụ cho lý Đại thừa, gia nghiệp đã chẳng khác thì biết lý Đại thừa không khác, nhưng Nhị thừa tại hội Bát-nhã đại căn cơ chưa thuần thực cho nên không được nói là

con như năm trăm Thanh văn ở tòa Hoa Nghiêm không được nói kia là con, có thể nói Hoa Nghiêm cạn Pháp Hoa sâu ư? 3/ Pháp Hoa, Bát-nhã như nhãn và mục hai tên khác: Pháp Hoa hợp cha con tức là Bát-nhã hợp cha con.

Kệ có bảy mươi ba hàng rưỡi tụng lại hai đoạn văn xuôi:

1. Hai bài đầu tụng pháp nói.
2. Kế bảy mươi mốt bài rưỡi tụng thí nói.

Trong pháp nói có hai:

1. Nêu xưa mê.
2. Trình bày nay ngộ, nay chỉ tụng ngộ không tụng mê.

Hai bài kệ chia làm hai: kệ đầu nói nghe pháp nên vui mừng. Kệ kế nêu thấy người được thọ ký nên vui mừng, cũng đầu là hiện vui mừng sau là dự vui mừng.

“Ví như gã đồng tử v.v...” tụng thí nói. Trong văn có ba:

1. Xin nói.
2. Khai thí.
3. Hiệp thí. Nay chỉ tụng hai thứ sau.

Khai thí có mười, nay chỉ tụng tám thí dụ, không tụng đội nước vào mặt và rèn luyện tiểu tâm. Trên nêu cha con có bốn phen: Đầu nêu con có ba nghĩa:

1. Nghĩa làm con.
2. Giữa đường thất lạc.
3. Con dần hồi trở về quê, nay tụng đủ, chỉ giống như tùy theo trên chuyển thế là khác.

Ban đầu nói về con có hai nghĩa:

- 1) Lúc làm con.
- 2) Khi thất lạc cha.

Con dần hồi trở về quê tụng ở sau. Nửa bài đầu nói về làm con. Đồng tử: là dụ cho sơ phát tâm Bồ-đề. Thơ bé: là nêu gốc lành yếu đuối, không biết: là ở trên nói hiểu Tiểu thừa, nay nói hoặc nhiều. Kế một hàng tụng giữa đường thất lạc. “Cha già con lòng buồn nhớ” là tụng về cha ở trên. Văn xuôi nói cha có ba:

- 1) Khi làm cha.
- 2) Khi lạc con.
- 3) Trong nước đó dừng nghỉ ở một ngôi thành để đợi con.

Nay kệ vì giống như thuận theo nên vượt lên tụng lặp lại nói về cha vào nhà lửa. Nay văn tụng chia làm bốn: ba văn như trên. Thứ tư là khổ nhớ con. Hai chữ “cha già” tụng trên là nghĩa cha. Buồn nhớ v.v...

là tụng trên lạc con. bốn phương: là bốn loài. Con lạc cha mà gọi là năm đường, cha lạc con là căn cứ bốn loài bởi xen lẫn hiện văn! “Tìm kiếm đó đã mỗi v.v...” tụng trên: đừng nghỉ ở một ngôi thành để đợi con, Văn xuôi có bốn:

- 1) Hóa xứ.
- 2) Hóa chủ.
- 3) Giáo môn:
- 4) Đồ dùng, nay tụng đủ.

“Liên nghỉ ở một thành” là tụng hóa xứ. “Xây dựng nên nhà cửa” là nêu thùy ứng thành Phật tụng hóa chủ. Không làm mà chẳng phải không làm nên nói xây dựng, che phủ chúng sanh gọi là nhà, lại thùy ứng tự ở cũng là nhà, năm đường đều hóa cạn sâu tùy căn cơ gọi là năm dục, đến nhân gian độ chúng sanh gọi là lạc là tự vui. “Nhà ông giàu có lớn v.v...” là khen ngợi hóa chủ. Văn này đại ý đối với con thất lạc cha nên nghèo cùng, khen ngợi cha thất lạc con mà giàu có. Nói Thanh văn mất Đại thừa nghèo cùng, Phật đắc Đại thừa nên giàu sang, do sự khen chê này khiến chúng ưa Đại mà chê Tiểu.

Chấp văn chia làm ba:

- 1) Nêu cha giàu có lớn.
- 2) Khen ngợi cha sang trọng.
- 3) Kết thúc cả hai nghĩa giàu và sang.

Giàu và sang mỗi thứ đều nói ba việc: ba việc giàu là:

- 1) Trong nhiều châu báu.
- 2) Ngoài nhiều voi ngựa xe cộ ruộng đất và tôi tớ nhân dân.
- 3) Xuất nhập thâu lời lãi đến khắp các nước khác.

Nay tán thán trong giàu tức là trong đầy đủ các đức. “Voi ngựa trâu dê v.v...” đây khen ngợi ngoài giàu gọi là giáo môn. Tôi tớ nhân dân v.v... cũng là khen ngợi ngoài giàu nghĩa là đồ chúng được hóa. Xuất nhập thâu lời lãi: Trên nêu giàu một nước, nay nói giàu khắp các nước, cũng là nghĩa các chúng được độ của đức Thích-ca. “Khách thương người buôn bán”: Người buôn bán gọi là hành thương, ngôi buôn bán nghĩa là người bán vật, người buôn bán nghĩa là người mua vật. Ở đất Trường An gọi buôn bán là cổ.

“Ngàn muôn ức chúng hội...” là khen ngợi cha sang cũng có ba việc:

- 1) Nửa hàng là nói về chúng gần gũi.
- 2) Nêu Phật mười phương nhớ tưởng.
- 3) Nửa bài nêu mười phương Bồ-tát đồng tôn trọng.

“Vì có các sự duyên...” một hàng tổng kết nghĩa giàu sang. Vì giàu sang đầy đủ nên người qua lại rất đông, phó duyên là qua, thọ đạo là lại. Số kia nhiều như cát bụi nên gọi là chúng. “Mà tuổi đã già nua lại càng buồn nhớ con”... là tụng ở trên lặp lại nghĩa cha.

Trên có hai chương:

- 1) Khổ nhớ con.
- 2) Vui nếu được con, nay chỉ tụng chương đầu.

“Bấy giờ già cùng tử...” là lặp lại tụng con. Văn xuôi nói về con có ba nghĩa:

- 1) Làm con.
- 2) Lạc con.
- 3) Dẫn trở về quê.

Ban đầu đã tụng hai thứ kia, nay kế tụng thứ ba con dẫn hồi về quê. Sở dĩ trở về ở đầu mà đặt ở nay tụng là muốn nói có gần xa ba thời:

- 1) Hưởng về nước.
- 2) Đến thành.
- 3) đến nhà.

Vì giống như tùy theo cho nên chuyển thế tụng. Nửa trên tụng đầu là rong ruổi bốn phương để tìm cầu ăn mặc” là tụng hưởng về nước; “Từ ấp này đến ấp khác” là kệ tụng đến thành, nhưng gốc lành có hai thứ:

1) Loại bằng nhau sanh nhau như từ ấp này đến ấp khác từ nước này đến nước nọ.

2) Loại cao hơn sanh nhau như từ ấp đến nước. Văn xuôi hiển rõ loại cao hơn, nay nói về loại bằng nhau. “Hoặc có khi được của hoặc có lúc không được”, hành thiện nhân đắc thiện quả là có khi được hành nhân vô ký không đắc quả gọi là có lúc không được, lại định đắc quả là có khi được, duyên sai khác không đắc quả gọi là có lúc không được. “Đói thiếu hình gầy ốm”; ưa quả không được đầy đủ gọi là đói khát, phước nhân không thể tự mạnh gọi là gầy gò. “Thân thể sanh ghẻ lác”: trên là nói thiện ít, nay nói hoặc nhiều, ngoài thì bị sự chê bai, trong thì bị các hoặc che lấp.

“Lần hồi làm thuê mượn”: v.v.... cha con thấy nhau dụ có hai:

- 1) Tụng con thấy cha.
- 2) Tụng cha thấy con.

Trong phần con thấy cha văn xuôi có ba:

- 1) Nêu lý do thấy cha.
- 2) Chính là nói về thấy cha.

3) Tâm sợ hãi đi tránh, nay tụng đầy đủ.

Lúc ấy ông Trưởng giả... Tụng chánh thấy cha... văn xuôi có sáu câu: nay chỉ tụng ba:

- 1) Một hàng tụng hóa chủ.
- 2) Nửa hàng tụng đồ chúng.
- 3) Một hàng tụng giáo môn.

Đây là nói pháp chân chân thật cho người nghe vì thế ba việc nên tụng. Trong môn: khí lý trống rỗng thông suốt gọi là môn cửa Trưởng giả đã ở trong cửa nói lên lý cùng tử ở ngoài. “Quyển thuộc đều vây quanh”. Tụng văn xuôi nói Bà-la-môn là người đấng Địa trở lên. “Đông người đứng hầu hà: tụng văn xuôi nói lại dân và tôi tớ là người Địa tiền. “Hoặc có người tính toán”. Là nói giáo môn chẳng phải Trưởng giả tự tính toán chính là người sai khiến. Khi mới thành đạo bảy xứ tám hội gia bị Bồ-tát nói tức là việc ấy. Tính toán: nói về nghĩa nhiều ít, như năm mươi hai vị sâu cạn khác nhau, lại như sơ địa trăm pháp minh môn, Nhị địa ngàn pháp môn... chú ký (biên chép): hiện tại hành nhân, vị lai đắc quả. Tính toán: là nói về nói pháp. Biên chép: gọi là thọ ký. “Cùng tử thấy cha v.v...” là tụng con thấy cha tâm sợ hãi trốn đi”. Hỏi thăm xóm nghèo nàn: “lúc bấy giờ, Đức Phật chưa nói giáo cho trời người, chỉ có căn cơ trời người xin Phật nói giáo cho trời người như hỏi thăm xóm nghèo nàn. “Lúc bấy giờ Trưởng giả v.v...” tụng cha thấy con.

Trên có ba câu:

- 1) Chỗ thấy con.
- 2) Thấy con liền biết.
- 3) Thấy con vui mừng.

Nay chỉ tụng hai không tụng thấy con vui mừng. Khi mới thành đạo chưa nói là con cho nên nói im lặng mà biết.

“Ông liền sai sứ giả v.v...” Tụng thí dụ gọi con không được. Trên có hai:

1) Gọi con không được.

2) Dứt hóa. Nay chỉ tụng trên gọi con không được, trong đó lại có hai: a) Chánh gọi con không được. b) Bắt ép lôi kéo đem về. Nay chỉ tụng đầu, nửa hàng chánh là gọi con, một hàng rưỡi tụng không có căn cơ không thọ. “Cần gì đồ ăn mặc khiến tôi đến thế này”. Cần gì vui cõi trời người tiểu thiện mà khấu lấy đại thánh.

“Trưởng giả biết con mình...” là dẫn dụ đem về nhà. Trên có hai:

- 1) Lãnh hai giáo.
- 2) Lãnh hai thân.

Nay tụng đủ. Trong hai giáo có bốn: nay chỉ tụng hai:

- 1) Ba hàng tụng nói giáo.
- 2) Một bài tụng tín nhận.

Ba hàng đầu chia làm hai:

- 1) Một hàng nói không có đại căn cơ.

2) Hai hàng chính là nói Tiểu giáo. “Chẳng chịu tin lời ta v.v...” không tin thật giáo. “Chẳng tin ta là cha v.v...” là không tin thật thân. “Ông liền dùng phương tiện...” nói Tiểu giáo. Trước đã sai người hầu bên gọi con không được nên nói lại sai hai người khác. “Mắt chột thân lùn xấu”: là dụ Nhị thừa thấy không, hữu đều không đúng. Kinh Niết-bàn nói thấy Bồ-tát có tám tướng thành đạo gọi là Nhị thừa thấy xiêu vẹo nghĩa là thấy có không đúng. Lại nói nếu dùng tâm Thanh văn Bích-chi-phật nói không bố thí gọi là phá giới tà kiến nghĩa là thấy “không” chẳng đúng. Chỉ vượt qua ba trăm do tuần chí không xa nên gọi là lùn, không đặc Trung đạo chánh quán chỉ là dứt tâm thường hành gọi là (lậu) xấu.

Ngoài không có công cứu vật như không có oai, trong không có tâm cứu vật gọi là không có đức. Luận Nhiếp Đại thừa nói Nhị thừa không có ba đức:

- 1) Không có đoạn đức, chỉ dứt hoặc chướng không trừ trí chướng
- 2) Không có trí đức nghĩa là không có Nhất thiết trí.
- 3) Không có ân đức, là không thể cứu khắp chúng sanh. “Gã cùng tử nghe rồi...” tụng tín nhận ở trên.

“Sạch sẽ các phòng nhà”: sáu căn chẳng phải một như các phòng nhà, trừ phiền não trong sáu căn như sạch sẽ. “Trưởng giả trong cửa sổ v.v...” Tụng trên hai thân: Trên có bốn:

- 1) Chiếu căn cơ.
- 2) Ẩn bốn, thù tích.
- 3) Nói giáo.
- 4) Được lợi ích, nay tụng ba trước không tụng một sau.

Hàng đầu tụng thứ nhất, kế kệ tụng thứ hai. “Phương tiện lần gần gũi: “tụng nói giáo thứ ba. Trên có bốn: khuyên răn, tăng giá, an ủi, khen ngợi. Nay chuyển thế cũng bốn ý: hai ý giống trên, thứ ba là nói khổ, thứ tư là nói dụ dàng. “Như con thật của ta...” lời xưa gọi ông là nhỏ “Và cho dầu xoa chân v.v...” Người nước ngoài làm việc chân hay bị nứt nên dùng dầu xoa, là dụ đặc sáu thông mà chân không đạp đất. “Đồ ăn uống đầy đủ thêm đệm chiếu đầy ấm”; Người làm việc chắc đói lạnh nay ban cho họ no ấm, định tuệ vô lậu như cơm áo, giới dùng

an thân như dày ấm.

Ông Trưởng giả có trí v.v... là giao phó tài thâm hóa. Trong văn có hai:

1) Cha giao phó.

2) Con thọ. Nay hai bài tụng, cha giao phó, một bài tụng con thọ. “Trải qua hai mươi năm...” Đắc quả La-hán sau mới bảo nói Bát-nhã, như hốt phân rồi mới giao phó tài, thì biết khi bảo nói còn trú nơi Nhị thừa nên nói trải qua hai mươi năm.

“Cha biết tâm của con...” là giáo phó gia nghiệp. Ở trên nói cha có ba:

1) Biết con có chí lớn.

2) Giao phó gia nghiệp.

3) Được giao nghiệp vui mừng.

Nay tụng đủ.

1. Nửa bài tụng thứ nhất.

2. “Muốn giao tài vật cho...” tụng giao cho gia nghiệp, trên có bốn:

a) Thời tiết gọi là lý do giao phó tài. b) Triệu tập chứng minh. c) Kết hợp cha con. d) Giao phó gia nghiệp, nay không tụng một trước chỉ tụng ba sau. Một hàng đầu tụng triệu tập chứng minh.

“Ở trong đại chúng này...” là tụng thứ ba kết hợp cha con, văn trên có ba:

1) Đầu làm cha con.

2) Giữa chừng thất lạc.

3) Lúc cha tìm được con, nay tụng đủ. Nửa bài tụng thứ nhất. Một hàng tụng thứ hai. Nửa bài nói về năm tuổi bỏ cha, nửa bài kệ dưới nói năm tuổi thấy con.

Hỏi: Bẩm thọ giáo trời người cũng là thấy con. Vì sao chỉ nói thực hành giáo Nhị thừa là hai mươi năm ư?

Đáp: Nhị thừa chính là Phật tử, trời người chẳng phải là Phật tử, cho nên trong năm thứ Phật tử gọi là bốn quả và Duyên giác không nói trời người.

“Xưa ở thành nọ...” là cha tìm được con, nửa hàng trên là nói về ngôi thành lạc con, nửa bài kệ dưới nói về nơi được con. “Phàm của cải ta có...” chính là giao phó tài vật.

“Người con nhớ xưa nghèo v.v...” là Được gia nghiệp vui mừng. Lại chia làm ba: Nửa bài đầu nêu xưa nghèo, kế hàng nêu nay giàu, nửa hàng sau nói vui mừng, ba môn đều có hai: Môn đầu có hai:

1. Xưa nghèo.

2. Ý chí thấp kém.

Môn có hai: nửa hàng đầu nói trong giàu, nửa hàng sau nêu ngoài giàu. Môn ba có hai:

- 1) Lòng rất vui mừng.
- 2) Được điều không hề có.

“Đức Phật cũng như thế” v.v... là hợp thí, trong văn xuôi hiệp năm thí:

- 1) Hiệp làm cha con.
 - 2) Hiệp giữa chừng thất lạc.
 - 3) Hiệp dẫn dụ trở về nhà.
 - 4) Hiệp giao phó tài sản mật hóa.
 - 5) Hiệp giao cho gia nghiệp.
- Nay cũng hiệp năm chỉ chuyển thế tụng.

- 1) Hiệp dụ gọi con không được.
- 2) Hiệp dụ dẫn trở về nhà.
- 3) Hiệp giao phó tài vật mật hóa dụ.
- 4) Rèn luyện tiểu tâm.
- 5) Giao cho gia nghiệp.

Đầu văn có một hàng kệ: Nửa bài trên nói có tiểu căn cơ, nửa bài kệ dưới nêu không nói đại pháp. Văn kệ có một hàng: nửa hàng trên nói đắc tiểu pháp, nửa bài kệ dưới biện thành người Tiểu thừa. “Đức Phật bảo chúng con...” là giao phó tài thâm hóa. Nay căn cứ thí dụ này chia làm ba.

- 1) Hiệp giao phó tài sản mật hóa.
- 2) Hiệp rèn luyện tiểu tâm.
- 3) Cùng nêu xưa Đức Phật không hiển nói Đại thừa.

Hiệp đầu văn chia làm hai:

- 1) một bài kệ hiệp cha giao phó tài.
- 2) Hiệp con thọ nhận.

Trong phần cha giao phó ấy: Nửa bài trên giao phó Bát-nhã là đạo trên hết, nửa bài kệ dưới nói tông giáo Bồ-tát chỉ Bồ-tát biện thành Phật, nói về Bồ-tát hiển giáo và thâm hóa Thanh văn đều thành Phật. Vì Đại Phẩm giáo tông chẳng phải ý Ba thừa thông giáo. “Chúng con vâng lời Phật v.v...” là tụng con thọ nhận. Trước văn có hai:

- 1) Lãnh cha nói.
- 2) Không biết ý cha, nay lãnh đủ.

Y cứ lãnh cha nói, lại chia làm bốn:

- 1) Một bài rưới chánh là nói nhận mệnh lệnh chuyển giáo.

- 2) Kế một bài là nói Bồ-tát ngộ đạo.
- 3) Một hàng nói Phật thọ ký cho Bồ-tát.
- 4) một bài rưỡi kết Đại Phẩm giáo chỉ nói cho Bồ-tát không nói cho Nhị thừa.

“Như gã cùng tử kia v.v...” có ba hàng tụng không biết ý cha, ba hàng tức ba:

- 1) Thí nói.
- 2) Hiệp thí.
- 3) Giải thích chẳng phải mong cầu.

“Chúng con diệt bên trong:” gồm có ba nghĩa:

- 1) Căn cứ Đại Tiểu thừa nói về trong ngoài. Đại thừa diệt đủ trong ngoài ba cõi, Tiểu thừa chỉ diệt trong ba cõi cho nên gọi là nội diệt.
- 2) Bồ-tát đến cứu giúp chúng sanh trong ngoài đều diệt, Nhị thừa chỉ diệt tự hoặc không diệt tha hoặc cho nên gọi là nội diệt.
- 3) Căn cứ dư, vô dư nói về diệt trong ngoài kiết nghiệp đã mất thì sanh tử vị lai tận, nhập vô dư thì đối ngoài sông núi mặt trăng mặt trời cũng tùy phần được diệt, nay trụ hữu dư chưa đắc vô dư nên nói nội diệt.

“Chúng con đều có nghe pháp tịnh cõi nước Phật” v.v... là rèn luyện tiểu tâm. Văn chia làm hai:

- 1) Chấp chặt Tiểu thừa không ưa nhân Đại thừa.
- 2) Nói chấp chặt tiểu không ưa đại quả.

Sở dĩ chỉ nêu hai thứ này vì các kinh Phương đẳng, sau giáo Đại phẩm là rèn luyện tiểu tâm. Gồm có hai thứ:

- 1) Dùng nhân Đại thừa rèn luyện.
- 2) Dùng đại quả rèn luyện, cho nên nay chỉ nêu hai thứ.

Văn đầu chia làm hai:

- 1) Nói không ưa nhân Đại thừa.
- 2) Giải thích.

Hỏi: Vì sao văn này lại hợp thí dụ rèn luyện tiểu tâm?

Đáp: Chương trước nói về vì người khác nói Đại thừa. Văn này nói từ người khác mà được nghe Đại thừa cho nên biết là các kinh Đại thừa sau giao phó tài sản.

Vì sao? Kế giải thích không ưa Đại thừa. Không hề có Đại Tiểu, đây là người Thành luận nói Thanh văn là không, sư Thành Luận không thể theo ý này cho là xét rõ Đại thừa. Bởi trong giáo Tiểu thừa tự có hai nói. Tỳ-đàm nói ngộ người không chỉ đắc nông cạn, Thành luận ngộ pháp Không thì đắc sâu xa.

Hỏi: Thành luận cũng nói pháp không có gì khác với Đại thừa hay không?

Đáp: Nói lược bốn sự khác nhau:

1) Đại thừa nói về người pháp bốn tánh không, Tiểu thừa nói về phân tích pháp không, cho nên Đại thừa là chân không Tiểu thừa chẳng phải chân không, Phẩm Phương Tiện chép: Niết-bàn Tiểu thừa chẳng phải chân diệt, các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng, Niết-bàn Đại thừa mới là chân diệt, diệt đế tức không, diệt đã có chân, nguy không cũng vậy.

2) Tiểu thừa chỉ nói về người pháp không trong ba cõi, nghĩa không tức ngắn, Đại thừa nêu trong ngoài ba cõi đều không, nghĩa không tức dài.

3) Người Tiểu thừa chỉ thấy Không, chẳng thấy bất Không, người Đại thừa thấy đủ Không và bất không nên gọi là Trung đạo, do không có các hệ lụy chẳng thể nói có, có đối với các đức chẳng thể nói không, chẳng có chẳng không tức Trung đạo.

4) Người Tiểu thừa nhập không thì mất có, ra có thì mất không. Vì vậy, cho nên thủ xả hành tâm hai kiến đoạn, thường. Trung luận chép: Nếu có chỗ thọ pháp thì rơi vào đoạn thường, nên biết chỗ thọ Pháp hoặc thường hoặc vô thường, người Đại thừa không hoại giả danh mà nói thật tướng cho nên tức có mà thường không, không động chân tế mà kiến. Lập các pháp, tức không mà thường có nên không rơi vào đoạn thường gọi là trung đoạn quán.

Hỏi: Đại thừa ở địa vị nào được đều quán?

Đáp: Sư luận Thành Thật nói: Lục địa chưa đều, Thất địa học đều, Bát địa chân thật đều, nhưng kinh Anh Lạc nói: Sơ địa đã quán đều tức. Luận sư Thành Thật giải thích rằng: Phạm phu chấp có, Nhị thừa đắm chìm không, nay Sơ địa đối với chấp này cho nên nói đều, thật ra chưa đều quán. Tuy nói Bát-nhã đều nhưng chiếu trí Không cuối cùng tự bốn dứt. Trí xét hữu có muôn tượng khác nhau, Không hữu thường khác nhau, do đâu mà đều?

“Chúng con từ lâu nay...” là nghe quả đức của Phật không sanh tâm ưa thích. Văn có hai: Một hàng chánh là nói không ưa quả đức; kế ba hàng giải thích chấp tiểu, nên không ưa đại. ba hàng lại có ba ý:

1) Nửa bài cho rằng Tiểu thừa là rốt ráo công đức ngang bằng với Phật nên không thích đại.

2) Một hàng rười nói các việc làm đã xong nên không ưa Đại.

3) Một hàng nói báo ân đã xong nên không ưa Đại. Nương giáo

đắc quả là pháp cúng dường, hai bài trước nói việc làm đã rồi, đây nói ân báo đã trọn nên không cầu tiến. “Chúng con dẫu lại vì các Phật tử ấy...” giải thích phó chúc tài thâm hóa và rèn luyện tiểu tâm ý hai thí dụ. Văn chia làm hai:

1/ Một bài rưới lập lại thí dụ giao phó tài sản, lược không nêu rèn luyện tiểu tâm.

2/ Bài kệ thứ hai là nói Đức Phật xưa biết chưa có đại căn cơ chỉ được mật nói nên không hiển nói chỉ khuyên học Đại thừa.

“Như ông Trưởng giả giàu v.v...” bài tụng này nói về giáo phó gia nghiệp. Trong văn xuôi có hai:

1) Giao cho gia nghiệp.

2) Được gia nghiệp vui mừng, nay tụng đủ.

Tụng đầu giao cho gia nghiệp lại có hai:

1) Một hàng rưới nêu cả hai thí dụ.

2) Một hàng rưới hợp cả hai thí dụ. Sở dĩ hợp cả hai: đây là khai hai tướng nên nêu đầu để thành sau.

“Liên dùng năng lực phương tiện v.v...” Nếu chọn riêng tức là thí dụ thứ bảy dẫn dụ về nhà; nói thí dụ Nhị thừa gọi là phương tiện, cho nên trong văn chép: Muốn dẫn dụ người con mà lập ra phương tiện. Nếu luận chung phương tiện: từ Nhất thừa hóa liên không được nên sau dùng bốn giáo làm phương tiện, nghĩa là thừa trời người cho đến rèn luyện tiểu tâm, như trên giải thích. Lại hiệp bốn giáo này cũng được làm ba phương tiện.

1) Nhân thiên thừa gọi là phương tiện thế gian.

2) Nói Nhị thừa tức là phương tiện xuất thế gian.

3) Giao phó tài sản mật hóa rèn luyện tiểu tâm gọi là phương tiện Đại thừa, đây tức là ba phẩm hạ trung phương trên tiện điều nhu tâm kia rồi sau mới ngộ nhập Nhất thừa.

Hỏi: Đây cùng năm thời giáo thứ tư có gì khác nhau ư?

Đáp: Văn Pháp Hoa tự phân rõ điều này chẳng phải người xuyên tạc, mà không đồng với xưa. Xưa nêu Bát-nhã và các kinh Phương Đẳng đều kém hơn Pháp Hoa cho nên là phương tiện của Pháp Hoa, nay nói các Bồ-tát... trong Bát-nhã đều đã đắc ngộ, Thanh Văn độn căn nhờ Bồ-tát giáo làm duyên được ngộ nên nói phương tiện chẳng phải đại phẩm chưa cứu kính mà gọi là phương tiện. Cho nên văn trước chép: Bát-nhã là mật tạng của Chư Phật, chỉ vì Bồ-tát mà nói bày sự thật kia, tức kia làm chứng. Người của năm thời giáo cho rằng Phật trong các kinh Bát-nhã, Tịnh Danh, Pháp Hoa đều chẳng rốt ráo, nay nói về ba giáo Phật đều rất

ráo. Người khác chép: Hoa Nghiêm Nhất thừa, Pháp Hoa Nhất thừa sâu cạn có khác nhau, nay nêu hai thứ không khác, chỉ đầu nói Nhất thừa hóa con không được, sau nói Nhất thừa hóa con mới được, không được và được nghĩa có khác nhau, nói về lý Nhất thừa kia không khác.

“Đức Phật cũng như vậy v.v...” một hàng rười hợp cả hai thí dụ. “Chúng con ngày hôm nay v.v...” tụng trên lãnh giải vui mừng. Văn chia làm hai:

1) Một bài rười nói chung được lợi ích.

2) “Thế tôn nay chúng con ...” năm hàng rười nói riêng được lợi ích.

Văn này chia làm hai:

1) Ba hàng nêu được lợi ích pháp.

2) Hai bài rười nêu được lợi ích về người.

Ba hàng kệ đầu chia làm ba: Hàng đầu nói đặc tuệ lợi ích. Đắc đạo và chứng quả... xưa đắc đạo đạo đế, quả diệt đế, nay đắc Đại thừa đạo quả, như Đại Phẩm chép: pháp hữu là đạo Bồ-tát, là quán vô sanh diệt, pháp không là quả Bồ-tát nghĩa là thật tướng các pháp.

Hỏi: Vì sao gọi là quán vô sanh diệt?

Đáp: Xưa nói diệt hoặc sanh giải là quán sanh diệt, nay biết hoặc vốn không sanh cũng không diệt tức gọi quán vô sanh diệt tức là đạo quả.

“Đối với pháp vô lậu được tuệ nhãn thanh tịnh...” Ngày xưa hợp “Không” dứt hoặc, cho đến Tỳ-đàm thấy hữu dứt hoặc gọi là vô lậu, nay nói về Nhị thừa đều là tâm đoạn thường đều gọi là hữu lậu; nay được chánh quán bình đẳng mới là vô lậu gọi là nhãn thanh tịnh. Ngày xưa người Nhị thừa đoạn thường do tâm nên nhãn không thanh tịnh tại hội Hoa Nghiêm cũng như người mù điếc, nay được liễu ngộ đồng nhập pháp giới. “Chúng con từ lâu nay” v.v... là nói về đắc giới quả trước trì tịnh giới được tiểu giải thoát, nay ngộ Nhất thừa được đại giải thoát. Giải thoát là quả của giới cho nên lấy giải thoát làm giới quả.

Hỏi: Trước trì tiểu giới vì sao nay đắc đại quả?

Đáp: Đức Phật xưa khiến trì tiểu giới vì muốn chúng sanh ngộ đại cho nên tiểu giới là nhân ngộ, đại là quả. Như kinh Thắng-man chép: Vì Đại thừa nên nói sáu xứ gọi là Ba la Đề mộc Xoa xuất gia thọ giới cụ túc, chánh pháp trụ, chánh pháp diệt v.v...

“Trong pháp của Pháp vương...” có người nói lấy chung tất cả giới làm phạm hạnh, riêng gọi dứt dâm là phạm hạnh, cho nên Đại Phẩm chép: Dâm dục ngăn cản sanh Phạm thiên hưởng gì là Bồ-đề! Nay nói

trước đã nói về giới quả, nay nêu định quả, trước thực hành tiểu hạnh đến tiểu Niết-bàn, nay ngộ bình đẳng đến đại Niết-bàn. “Chúng con ngày hôm nay...” ba hàng trước tức là pháp ba học thứ lớp, nay nói về lợi ích cho người. Đầu tiên kệ nói quả trí nghĩa là vì người nói pháp, sanh tuệ cho người. Kế một hàng rưỡi nói quả đoạn, nghĩa là thọ sự cúng dường cả người khác sanh phước cho người. Lại trước kệ nói tự làm thí chủ pháp, chúng sanh làm ruộng phước, kệ sau nói về tự làm ruộng phước chúng sanh làm thí chủ, vì sao? Vì đầu xả Tiểu thừa đoạn thường nay tin Trung đạo có khả năng làm ruộng phước cho hai thừa trời người. Như Đại Phẩm chép: Thân Tử hỏi Bồ-tát trụ ở địa vị nào làm ruộng phước cho Nhị thừa. Đức Phật đáp: Từ khi sơ phát tâm đã làm ruộng phước cho Nhị thừa rồi.

“Ân lớn của Thế tôn...” là khen ngợi Đức Phật ân sâu khó báo. Kinh này từ đầu đến cuối có mười ân Phật:

1) ân kết duyên chung: nghĩa là Đức Phật khi mới phát tâm lập bốn mở rộng thệ nguyện, cho nên phẩm Phương Tiện chép: Ta xưa lập thệ nguyện, muốn cho tất cả chúng sanh như ta không khác, hàng ba căn Thanh văn nhập nguyện như biển của pháp môn này, đó gọi là ân kết duyên chung.

2) Ân kết duyên riêng: ở đời quá khứ vì nói Đại thừa từng làm cha con gọi là ân kết duyên riêng.

3) Ân tùy theo hóa: các con quán yếu điên đảo mạnh nên trôi dạt trong sanh tử xoay chuyển trong các nước trải qua hơn năm mươi năm, đức Như lai thuận theo sanh tử mà giáo hóa cho, nên nói “người cha lo lắng tìm cầu bốn phương”, gọi là ân tùy theo hóa.

4) Ân ẩn bốn thù tích: Như lai xưa chứng pháp thân thường lạc ngã tịnh vì các con có đạo duyên nên đến chỉ bày cho tu hành thành Phật, vì thế chép: trong nước đó dừng ở một thành để đợi con, gọi là ân ẩn bốn thù tích.

5) Ân tư duy cứu giúp: khi mới thành đạo ba tuần đầu suy nghĩ muốn cứu giúp, tâm đại bi sâu nặng, gọi là ân tư duy cứu giúp.

6) Ân bỏ sâu nói cạn: khi mới thành đạo đã biết chúng sanh không có khả năng thọ tuệ Phật sâu xa nên vì hàng trời người nói pháp nông cạn, tức có thể vì hạ hạ liệt để nói việc cao thượng này v.v... gọi là ân ẩn sâu nói cạn.

7) Ân quyền dẫn dụ: cởi áo quý giá mặc áo thô xấu, vì nói Nhị thừa dẫn ngộ nhập đại, đó là ân quyền dẫn dụ.

8) Ân giao phó tài sản mật hóa.

9) Ân rèn luyện tiểu tâm.

10) Ân giao cho gia nghiệp.

Văn chia làm hai:

1) Nêu hai chương làm ân và báo ân.

2) Giải thích hai môn, bài kệ trước nêu chương môn làm ân, nửa bài kệ sau là nêu chương môn báo ân. “Tay lẫn chân cung cấp” là giải thích. Trước giải thích báo ân vì kế cận nghĩa trước, kế giải thích ân.

Căn cứ đầu có hai:

1) Một hàng nói về cung kính, cúng dường. Nửa bài trên nói về cung kính, nửa bài kệ dưới nên cúng dường.

2) Một hàng là giải thích cung kính.

Kế ba hàng nêu giải thích cúng dường. Trong hai hàng rưỡi kệ nói rộng về nghĩa cúng dường, kế nửa hàng nói thời gian lâu xa đều không thể báo. “Chư Phật thật ít có v.v...” giải thích ân. Lại có hai: hai bài nêu ân thân thông luân, kế bốn hàng rưỡi nói về ân nói pháp luân. Lại trước là đại bi ân, sau là đại từ ân. Lại đầu là ân ẩn bốn thù tích, kế là ân ẩn thật giáo mà nói quyền giáo, ân tuy có mười mà lược gồm nhiếp không có nói hai thân bốn tích, hai giáo quyền thật. “Nhẫn việc cao thượng đó v.v...” Đức Phật từ lâu chứa nhóm Đại thừa vì chúng sanh độn căn cho nên bỏ qua không nói. Như Tịnh Danh chép: Đức Thích-ca ẩn chứa vô lượng công đức, dùng pháp người nghèo ưa thích để độ thoát chúng sanh.

Năm Giáp Ngọ niên hiệu Vĩnh nhân, hai mươi tám đời nối dõi từ mẹ ruột Đạo Tôn đến chị gái Diệu Pháp cùng con gái Kỷ thị, cháu gái Đồng thị hiệp sức đem khắc quyển nghĩa số vào ngày kỷ niệm thứ mười ba người mẹ lớn quá cố, hầu mong báo hiếu cho đến cầu nguyện tất cả chúng sanh đồng hiểu diệu lý như như mà thôi!

